



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Những biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế.

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định trực tiếp đến sự tăng trưởng của của ngành điện. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng điện năng cao, đồng nghĩa với nó là gia tăng xây dựng các nhà máy điện và nhu cầu sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy này. Ngược lại, tốc độ phát triển của ngành sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực từ một nền kinh tế suy thoái, tốc độ tăng trưởng chậm thì việc thất chặt chi tiêu, kéo theo các hoạt động cung cấp điện năng giảm và dịch vụ sửa chữa bảo trì cũng giảm theo nó.

Năm 2008 Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu trong lĩnh vực ngân hàng – tài chính của Mỹ đã lan ra mức độ toàn cầu. Sự sụp đổ hàng loạt của các ngân hàng, quỹ đầu tư lớn tại Mỹ và nhiều nước trên thế giới đã ảnh hưởng đến dòng luân chuyển vốn đầu tư quốc tế và đặc biệt là lòng tin của các nhà đầu tư. Đối với Việt Nam, chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, nền kinh tế nước ta cũng xảy ra những biến động mạnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế bị chậm lại sau nhiều năm tăng trưởng từ 7% trở lên, năm 2008 Việt Nam chỉ duy trì tốc độ tăng trưởng 6,3%. Tỷ lệ lạm phát tăng cao là mối đe dọa đối với nền kinh tế. Năm 2009, Việt Nam đã đưa ra những chính sách nhất định thúc đẩy nền kinh tế thông qua các gói kích cầu của Chính phủ nhằm hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp, lãi suất cho vay... đã giúp nền kinh tế bắt đầu phục hồi sau cuộc khủng hoảng kinh tế.

Mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2010 là 6,5%, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua hai quý đầu năm với bước tăng trưởng vững chắc. GDP 6 tháng đầu năm đã tăng 6,16%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 13,6%. Với những con số ấn tượng này Ngân hàng thế giới đưa ra dự báo rằng kinh tế Việt Nam có thể tăng trưởng 7% trong năm 2010 nhờ sự phục hồi của đầu tư, xuất khẩu và nhu cầu nội địa. Đây là tín hiệu tốt cho các doanh nghiệp nói chung và ngành điện nói riêng. Dự báo nhu cầu phụ tải điện sẽ tăng cao bảo đảm cho sự phát triển của nền kinh tế và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Để đáp ứng đủ sản lượng điện phục vụ cho nền kinh tế, Chính phủ đã có những dự án xây dựng nhà máy, hệ thống nguồn và lưới điện ở khắp nơi trên đất nước, điều này tác động tốt đến tốc độ tăng trưởng của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy điện.

Hiện nay nền Kinh tế Việt Nam đã thoát khỏi ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2009 và đang trên đà hồi phục mạnh mẽ, do vậy có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty trong giai đoạn hiện nay. (Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế của Việt Nam năm 2009 của Ngân hàng phát triển Châu Á, và Ngân hàng Thế giới; Báo cáo tình hình kinh tế xã hội Việt Nam 6 tháng đầu năm 2010 của Chính phủ)

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng... Khi tham gia vào thị trường Chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật Chứng khoán, các thông tư, nghị định về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán.

Ngoài ra, do lĩnh vực hoạt động, Công ty bị điều chỉnh bởi các quy định liên quan đến các ngành nghề như: Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng cho các nhà máy điện, các trạm viễn thông; đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng cho công nghệ thông tin và các ngành công nghiệp; tư vấn, thiết kế kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bảo trì nguồn. Vì vậy, sẽ không tránh khỏi những quy định chông chéo của các cơ quan chủ quản có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các qui định mới của pháp luật, theo sát đường lối chủ trương của Đảng và Nhà Nước để xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư, phát triển Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Đất nước.

3. Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro từ phía Nhà sản xuất:

Do đặc thù thiết bị của các nhà máy điện được lắp đặt đồng bộ của một nhà sản xuất nên thiết bị sửa chữa, thay thế phải đặt từ Nhà sản xuất đã cung cấp lắp đặt cho nhà máy điện. Vì vậy, PV Power Services sẽ bị hạn chế trong việc lựa chọn các nhà cung cấp thiết bị. Bên cạnh đó, PV Power Services phải luôn chủ động dự đoán về nhu cầu sử dụng vật tư hay kế hoạch sử dụng thiết bị để mua dự phòng trong trường hợp nhà sản xuất dừng sản xuất hoặc biến động về giá cả hoặc vì lý do nào đó khan hiếm về hàng hóa. Rủi ro sẽ phát sinh và có ảnh hưởng lớn đến sản xuất nếu PV Power Services không xác định đúng, đủ chủng loại vật tư, thiết bị theo yêu cầu.

b. Rủi ro về nguồn nhân lực:

Do tính đặc thù của vật tư đi kèm với công nghệ và dịch vụ của Nhà sản xuất, đòi hỏi PV Power Services cần có đội ngũ kỹ sư và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao và nhiều kinh nghiệm. PV Power Services gặp rất nhiều khó khăn vì chất lượng đào tạo trong nước hiện nay chưa bắt kịp với nhịp độ phát triển công nghệ trên thế giới, vì vậy PV Power Services thường xuyên phải cử cán bộ, công nhân đi đào tạo ngắn hạn tại nước ngoài. Đây là yếu tố làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Việc cử đi đào tạo tại nước ngoài, ngoài việc gia tăng chi phí đào tạo của Công ty còn ảnh hưởng sự ổn định về số lượng lao động có kỹ thuật cao tại PV Power Services.

Bên cạnh đó, hiện nay các Nhà máy điện thường được xây dựng tại các vùng sâu, vùng xa hoặc có giới hạn về địa lý tạo nên sự khó khăn không nhỏ đối với PV Power Services trong việc tuyển dụng cũng như áp dụng các chính sách đãi ngộ, đào tạo nhằm thu hút nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh.

c. Rủi ro tỷ giá hối đoái:

Các yếu tố đầu vào của công ty phần lớn là nhập khẩu từ các nhà sản xuất nước ngoài, hầu hết các hợp đồng nhập khẩu của Công ty được xác định giá trị theo các đồng ngoại tệ. Do đó, sự biến động tỷ giá hối đoái có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để



hạn chế rủi ro này Công ty đã có những dự báo về giá cả nguyên liệu đầu vào, biến động về tỷ giá để đàm phán, ký kết hợp đồng giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy ra với Công ty.

d. Rủi ro về điều kiện tự nhiên và khí hậu:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực lắp đặt, bảo dưỡng, bảo trì các nhà máy điện, thiết bị điện, lắp đặt biến áp... trên phạm vi toàn quốc vì thế điều kiện địa lý tự nhiên và khí hậu tác động lớn đến hiệu quả hoạt động và điều kiện làm việc của các thiết bị. Do đó, đây cũng là yếu tố rủi ro tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại cho công trình.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Bà CAO THỊ LIÊN

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Ông PHAN ĐẠI THÀNH

Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Ông PHÍ ANH ĐỨC

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát;

Ông TÔ NGỌC TUYẾT

Chức vụ: Kế toán trưởng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch là chính xác và phù hợp với tình hình thực tế, để giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty trong tương lai.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Ông PHẠM QUANG HUY

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần. Chúng tôi đảm bảo rằng việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung của Bản cáo bạch này đã tuân thủ theo đúng trình tự bắt buộc.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần.

- Công ty kiểm toán Là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty Cổ phần .
- Điều lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần thông qua.
- Vốn điều lệ Là số vốn do tất cả các cổ đông góp.
- Cổ phần Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu Cổ phiếu Công ty Cổ phần .

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- Công ty/PV Power Services Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Tập đoàn/Petrovietnam Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- PSI Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- PV Power Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- CFTD Công ty TNHH Phát triển công nghệ
- KAF Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF
- YTL YTL Power Service Sdn.Bhd
- UBCKNN Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở GDCK HN Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT Hội đồng Quản trị.
- BKS Ban Kiểm soát.
- KTT Kế toán trưởng.
- BCTC Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần .
- CP Cổ phần.
- SXKD Sản xuất kinh doanh.
- CBCNV Cán bộ công nhân viên.
- Thuế TNDN Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

- Thuế GTGT Thuế Giá trị gia tăng.
- UBND Ủy ban nhân dân.
- Sở KHĐT Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Giấy CNĐKKD Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**
- Tên giao dịch viết tắt: **PV Power Services**
- **Nhãn hiệu thương mại:**



- **Trụ sở chính của Công ty:**

Địa chỉ: Số 198 Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Văn phòng giao dịch: Toà nhà Constrexim 8, tầng 3, km8 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 84-2210288 Fax: 84-2210388

- **Website:** <http://www.PV Power Services.vn>

- **Mã số thuế:** 0102560459

- **Nơi mở tài khoản:** 1382168686888 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam(Techcombank)

- **Vốn điều lệ:** 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)

- **Ngành nghề kinh doanh:**

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ



Tổ chức tư vấn: Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI)

cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;

- Tư vấn giải pháp nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo;
- Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;
- Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Trước những yêu cầu thực tế khách quan, với mục tiêu chuyên môn hóa công tác dịch vụ kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành các nhà máy điện trong và ngoài ngành Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận nhiệm vụ này.

Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV-Power) đã họp và thông qua Đề cương thành lập mới một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Ngày 27/11/2007, Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103021005, đánh dấu sự ra đời của Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam với số vốn điều lệ là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)

Nhằm tiếp cận thị trường khu vực phía Nam và mở rộng mạng lưới hoạt động của mình. Ngày 28/8/2008 PV Power Services đã thành lập chi nhánh PV Power services tại Thành phố Hồ Chí Minh để thay mặt cho PVPower Services tổ chức, giải quyết và giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power Services tại phía Nam.

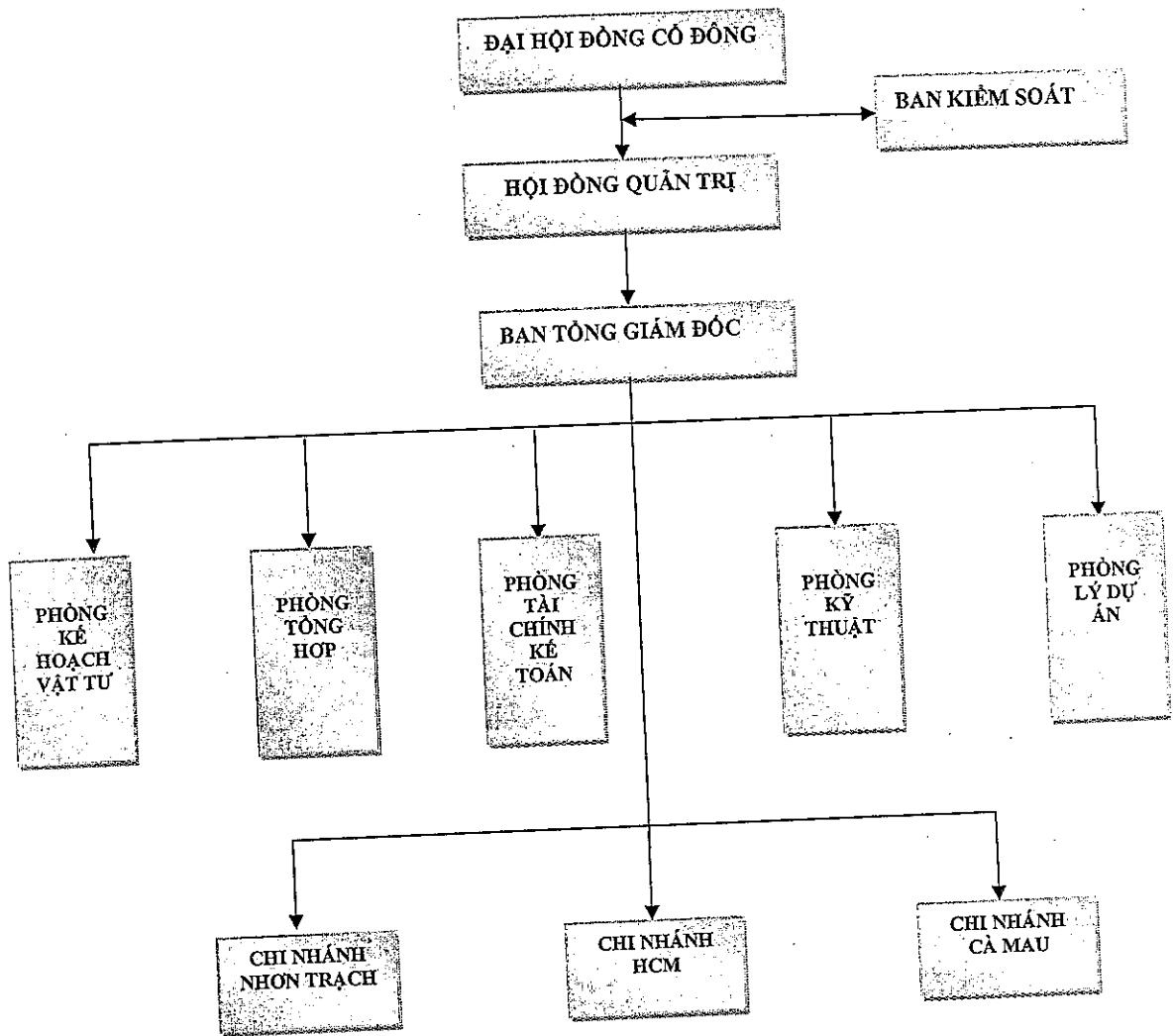
Ngày 03/8/2009 Công ty đã thành lập hai chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp để phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau. Đến nay, 3 chi nhánh của Công ty đã đi vào hoạt động ổn định và đảm bảo dịch vụ sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng tại các nhà máy.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ theo luật doanh nghiệp 2005, các luật khác liên quan và điều lệ

Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty.



2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2 Hội đồng quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01(một) Chủ tịch HĐQT, và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm

quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Tổng Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

2.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

2.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay bao gồm: 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám Đốc.

2.5 Khối điều hành:

Chức năng nhiệm vụ chính của các phòng ban trực thuộc;

2.5.1 Phòng Kế hoạch – Vật tư – Xuất nhập khẩu

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch SXKD, xuất – nhập khẩu, quản lý Hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước, quản lý công tác đấu thầu, kiểm soát hệ thống định mức chi phí, tiêu hao... cụ thể như sau:

Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển ngắn hạn và dài hạn cho Công ty. Theo dõi và tổng hợp báo cáo việc thực hiện kế hoạch định kỳ và đột xuất phục vụ cho công tác đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh. Đề xuất các biện pháp đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Thực hiện công tác soạn thảo, xây dựng giá dự thầu và đàm phán hợp đồng, quản lý kinh tế các hợp đồng của Công ty đúng theo quy chế, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Tham gia công tác quản lý, thực hiện các dự án đầu tư theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Tổ chức và giám sát các hoạt động đấu thầu.

2.5.2 Phòng Tổng hợp:

Phòng Tổng hợp là bộ phận tham mưu chuyên môn Tổng giám đốc về: tổ chức nhân sự;

đào tạo, tuyển dụng cán bộ; công tác lương, thưởng, chế độ chính sách; Công tác văn thư
văn phòng, quản trị hành chính; công tác đối ngoại của Công ty cụ thể như sau:

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong việc quản lý nguồn nhân lực, xây dựng, củng cố, kiện
toàn, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch và phát triển nguồn nhân lực có đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất
đạo đức để đáp ứng cho nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tập hợp, nghiên cứu áp dụng và thực hiện các văn bản pháp luật và dưới luật, nội quy, quy
chế của Công ty trong công tác tổ chức – hành chính, đảm bảo kịp thời và hiệu quả.
- Quản lý, theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác Tổ chức – hành chính, chế độ chính
sách đối với người lao động Công ty.
- Đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động của Công ty, quản lý đất đai, bố trí phòng làm việc,
trang thiết bị văn phòng.
- Chức năng đối nội, đối ngoại.
- Theo dõi quản lý hiện vật, các dụng cụ, trang thiết bị văn phòng và tài sản của Công ty.

2.5.3 Phòng Tài chính – Kế toán:

Phòng Tài chính Kế toán là phòng chuyên môn trực thuộc Bộ máy điều hành Công ty có
chức năng giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác về
tài chính kế toán, cụ thể như sau:

- Tham mưu cho Ban quản trị điều hành các vấn đề về tài chính.
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội
bộ đối với hoạt động kinh tế tài chính của Công ty.
- Lập các báo cáo tài chính – kế toán, báo cáo thống kê theo đúng các chuẩn mực, quy định
của Nhà nước phục vụ cho công tác quản lý, điều hành công việc sản xuất kinh doanh của
Công ty.
- Tổ chức quản lý, theo dõi và chỉ đạo mọi mặt hoạt động Tài chính, kế toán, thống kê ở các
đơn vị trực thuộc.
- Tạo lập, quản lý và phân phối các nguồn vốn phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ sản



xuất kinh doanh và sự nghiệp đầu tư phát triển của Công ty theo kế hoạch dài hạn và ngắn hạn.

- Đề xuất phương án phân phối kết quả sản xuất kinh doanh theo chế độ tài chính của Nhà Nước và quy chế tài chính Công ty.
- Đào tạo, bồi dưỡng và quản lý đội ngũ cán bộ làm công tác Tài chính – Kế toán – Thống kê trong toàn Công ty.

2.5.4 Phòng Kỹ Thuật:

Phòng Kỹ thuật là bộ phận tham mưu chuyên môn cho Tổng giám đốc các vấn đề sau:

- Chỉ đạo và quản lý, phát triển hệ thống ISO trong hoạt động toàn Công ty. Kiểm tra giám sát kỹ thuật, chất lượng các hạng mục sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng do Công ty thực hiện.
- Đào tạo chuyên môn an toàn lao động trong hoạt động sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng.
- Xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên, an toàn viên tham gia giám sát, kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng trong toàn Công ty.

2.5.5 Phòng quản lý dự án

Phòng quản lý Dự án Công ty có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo công tác xây dựng, quản lý, theo dõi và triển khai thực hiện các dự án của trong và ngoài Công ty.

Lên kế hoạch và thực hiện công tác Marketing, xây dựng thương hiệu của Công ty

2.6 Khối chi nhánh

Chức năng nhiệm vụ chính của các chi nhánh.

2.6.1 Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hồ Chí Minh đặt tại 25-27 Đường số 1 – Cư xá, Chu Văn An – Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh Hồ Chí Minh có chức năng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Thiết lập bộ máy quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan tại khu vực phía Nam.



- Hỗ trợ các Chi nhánh Cà Mau và Nhon Trạch trong các hoạt động SXKD.
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại địa bàn đặt trụ sở Chi nhánh.
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực phía Nam từ đó tham mưu cho Công ty trong việc khai thác thị trường và tận dụng các nguồn lực sẵn có để phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Tự khai thác và tổ chức thực hiện công tác dịch vụ kỹ thuật theo đúng ngành nghề kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và đảm bảo hiệu quả SXKD.

2.6.2 Chi nhánh Nhon Trạch

Chi nhánh Nhon Trạch tại xã Phước Khánh, Huyện Nhon Trạch, Tỉnh Đồng Nai có chức năng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan. Nhiệm vụ của Chi nhánh gồm:

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan.
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Nhon Trạch – Đồng Nai theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Tổng giám đốc Công ty.
- Thay mặt cho Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh Nhon Trạch theo phạm vi được uỷ quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp.
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Nhon Trạch – Đồng Nai và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường.
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện khu vực Nhon Trạch – Đồng Nai, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ khu vực Nhon Trạch – Đồng Nai và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan, ...)



2.6.3 Chi nhánh Cà Mau:

Chi nhánh Cà Mau đặt tại Xã Khánh Xã, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau. Chi nhánh Cà Mau có chức năng thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan. Nhiệm vụ của Chi nhánh gồm:

- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Cà Mau theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Tổng giám đốc Công ty.
- Thay mặt cho Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh Cà Mau theo phạm vi được uỷ quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp.
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Cà Mau và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường.
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ khu vực Cà Mau và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan, ...).
- Quản lý điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được uỷ quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

3.1 Tình hình góp vốn năm 2007

Công ty thành lập ngày 27/11/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021005 do sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu, vốn điều lệ đăng ký là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), cơ cấu cổ đông sáng lập như sau:



Bảng 1: Danh sách cổ đông của PV Power Services theo Giấy ĐKKD tại ngày 27/11/2007

TT	Cổ đông	Tỷ lệ/VĐL	Số CP phổ thông	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	PV-Power	51%	7.650.000	76.500.000.000	Cổ đông sáng lập
2	YLT Power Services	18%	2.700.000	27.000.000.000	Cổ đông sáng lập
3	Công ty TNHH Phát triển công nghệ	11%	1.650.000	16.500.000.000	Cổ đông sáng lập
4	Công ty Lilama 18	4%	600.000	6.000.000.000	Cổ đông sáng lập
	Tổng	84%	12.600.000	126.000.000.000	

(Nguồn: Theo giấy ĐKKD ngày 27/11/2007)

Nghị quyết ĐHĐCĐ của PV POWER SERVICES số 01 ngày 03/12/2007 đã thông qua phương án phát hành riêng lẻ 24 tỷ đồng tương ứng 2.400.000 cổ phần cho 02 nhóm đối tượng là:

+ Công ty TNHH đầu tư và xúc tiến thương mại KAF: 1.200.000 cổ phần.

+ Cán bộ công nhân viên của PV Power: 1.200.000 cổ phần

Cơ cấu vốn của Công ty tại ngày 31/12/2007 như sau:

Bảng 2: Danh sách cổ đông của PV Power Services tại ngày 31/12/2007

T T	Danh sách cổ đông	Số vốn cam kết góp		Số vốn thực góp đến 31/12/2007		Số tiền còn phải góp (VNĐ)
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ	Giá trị ((VNĐ)	Tỷ lệ	
I	CĐ sáng lập	126.000.000.000	84%	7.650.000.000	5,1%	68.850.000.000
1	PV-Power	76.500.000.000	51%	7.650.000.000	5,1%	68.850.000.000
2	YLT Power Services	27.000.000.000	18%	0	0	27.000.000.000
3	CFTD	16.500.000.000	11%	0	0	16.500.000.000
4	Công ty Lilama 18	6.000.000.000	4%	0	0	6.000.000.000



II	Cổ đông phổ thông	24.000.000.000	16%	0	0	24.000.000.000
	KAF	12.000.000.000	8%	0	0	12.000.000.000
	CBCNV	12.000.000.000	8%	0	0	12.000.000.000
	Tổng	150.000.000.000	100%	7.650.000.000	5,1%	142.350.000.000

(Nguồn: Sổ cổ đông công ty tại ngày 31/12/2007)

3.2 Tình hình góp vốn năm 2008

Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ-DKVN ngày 24/03/2008 thông qua các nội dung sau:

- Rút tư cách cổ đông sáng lập của Công ty Lilama 18 do Công ty Lilama 18 không thực hiện nghĩa vụ góp vốn
- Gia hạn góp vốn cho các cổ đông sáng lập là Công ty CFTD do chưa góp vốn đủ theo đăng ký kinh doanh lần đầu
- Gia hạn góp vốn cho các cổ đông phổ thông chưa góp đủ trong đợt phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của PV POWER SERVICES số 01 ngày 03/12/2007.

Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ- DVKT ngày 08/8/2008 thông qua các nội dung sau:

- Xử lý phần vốn góp của Công ty Lilama 18 chưa góp thông qua hình thức phân phối cho các cổ đông sáng lập còn lại.
- Đối với phần vốn góp của CBCNV chưa thực hiện góp đủ trong đợt phát hành riêng lẻ ngày 03/12/2007, ĐHĐCĐ đã thống nhất xử lý như sau:
 - + Đồng ý cho cổ đông KAF mua thêm 2% vốn điều lệ (tương đương 3 tỷ đồng) trong phần vốn góp của CBCNV.
 - + Số cổ phần còn lại CBCNV, Công ty tiếp tục gia hạn góp vốn cho cổ đông là CBCNV.

Bảng 3: Danh sách cổ đông của PV Power Services tại ngày 31/12/2008

T	Danh sách cổ đông	Số vốn cam kết góp		Số vốn thực góp đến 31/12/2008		Số tiền còn phải góp
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
I						
I	Cổ đông sáng lập	126.000.000.000	84,00%	106.800.000.000	71,2%	19.200.000.000



1	PV-Power	81.675.000.000	54,45%	76.500.000.000	51%	5.175.000.000
2	YLT Power Services	27.000.000.000	18,00%	27.000.000.000	18%	0
3	CFTD	17.325.000.000	11,55%	3.300.000.000	2,2%	14.025.000.000
4	Công ty Lilama 18	Rút tư cách cổ đông sáng lập				
II	Cổ đông phổ thông	24.000.000.000	16,00%	6.377.300.000	4,25%	17.622.700.000
	KAF	15.000.000.000	10,00%	2.400.000.000	1,60%	12.600.000.000
	CBCNV	9.000.000.000	6,00%	3.977.300.000	2,65%	5.022.700.000
	Tổng	150.000.000.000	100%	113.177.300.000	75,85%	36.822.700.000

(Nguồn: Sổ cổ đông công ty tại ngày 31/12/2008)

3.3 Tình hình góp vốn năm 2009

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ/ĐHĐCĐ-DKVN ngày 24/04/2009 thông qua việc gia hạn góp vốn cho các cổ đông chưa thực hiện góp vốn. Tính đến thời điểm 31/12/2009 Cơ cấu vốn của Công ty như sau:

Bảng 4: Danh sách cổ đông của PV Power Services tại ngày 31/12/2009

T	Danh sách cổ đông	Số vốn cam kết góp		Vốn thực góp đến 31/12/2009		Số tiền còn phải góp
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	VND
I	Cổ đông sáng lập	126.000.000.000	84,00%	106.800.000.000	71,20%	19.200.000.000
1	PV-Power	81.675.000.000	54,45%	76.500.000.000	51,00%	5.175.000.000
2	YTL Power Services Sdn.Bhd	27.000.000.000	18,00%	27.000.000.000	18,00%	0
3	CFTD	17.325.000.000	11,55%	3.300.000.000	2,20%	14.025.000.000
II	Cổ đông phổ thông	24.000.000.000	16,00%	7.025.630.000	4,65%	16.974.370.000
1	KAF	15.000.000.000	10,00%	2.400.000.000	1,60%	12.600.000.000
2	CBNV PV-	9.000.000.000	6,00%	4.625.630.000	3,05%	4.374.370.000



Power					
Tổng	150.000.000.000	100,00%	113.825.630.000	75.85%	36.174.370.000

(Nguồn: Sổ cổ đông công ty tại ngày 31/12/2009)

3.4 Tình hình góp vốn năm 2010

Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 31/NQ/ĐHCĐ-DVKT ngày 29/01/2010 thông qua các nội dung sau:

- ĐHCĐ đồng ý cho ông Hoàng Hà đăng ký góp 1.920.000 cổ phần tương đương 19.200.000.000 đồng của các cổ đông sáng lập chưa góp đủ và Ông Hoàng Hà trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.
- ĐHCĐ tiếp tục gia hạn góp vốn cho Công ty KAF.
- Đối với số cổ phần CBCNV đăng ký mua nhưng chưa đóng tiền là 4.374.370.000 đồng (437.437 cổ phần) theo Nghị quyết số 01 ngày 03/12/2007 (tính đến thời điểm ngày 29/01/2010), Đại hội đồng cổ đông quyết định không tiếp tục gia hạn góp vốn cho CBCNV, đồng thời quyết định thực hiện phát hành riêng lẻ 4.374.370.000 đồng (437.437 cổ phần) cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu. Ngày 13/2/2010 Công ty đã phát hành riêng lẻ thành công 437.437 cổ phần.

Ngày 24/2/2010 Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn, cơ cấu vốn của Công ty như sau:

Bảng 5: Danh sách cổ đông của PV Power Services tại ngày 24/2/2010

TT	Danh sách cổ đông	Số vốn thực góp	Tỷ lệ
I	Cổ đông sáng lập	126.000.000.000	84,00%
1	PV-Power	76.500.000.000	51,00%
2	YLT Power Services	27.000.000.000	18,00%
3	CFTD	3.300.000.000	2,20%
4	Hoàng Hà	19.200.000.000	12,80%
II	Cổ đông phổ thông	24.000.000.000	16%
1	KAF	15.000.000.000	10,00%
2	Cổ đông khác	9.000.000.000	6,00%
	Tổng	150.000.000.000	100,00%

(Nguồn: Sổ cổ đông công ty tại ngày 24/02/2010)



Theo nghị quyết số 07/NQ/ĐHCD-DVKT ngày 06/9/2010 Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý chuyển nhượng phần vốn của cổ đông sáng lập Hoàng Hà cho các cổ đông khác. Cơ cấu cổ đông của Công ty sau khi chuyển nhượng như sau:

Bảng 6: Danh sách cổ đông của PV Power Services tại ngày 20/9/2010

TT	Danh sách cổ đông	Số vốn thực góp (VND)	Tỷ lệ
I	Cổ đông sáng lập	126.174.000.000	84,12%
1	PV-Power	76.500.000.000	51%
2	YLT Power Services	27.000.000.000	18,00%
3	CFTD	3.300.000.000	2,2%
4	Hoàng Hà	5.070.000.000	3,38 %
5	Đào Mạnh Hùng	5.479.000.000	3,65%
6	Nguyễn Duy Long	1.145.000.000	0,76%
7	Quách thị Mai Anh	6.335.000.000	4,22%
8	Phạm Đức Nghĩa	100.000.000	0,07%
9	Đặng thị Việt Thúy	220.000.000	0,15%
10	Dương Hồng Phong	630.000.000	0,42%
11	Nguyễn Thanh Tùng	80.000.000	0,05%
12	Đặng Chí Hiếu	315.000.000	0,21%
II	Cổ đông phổ thông	23.826.000.000	15,88%
	Tổng	150.000.000.000	100%

(Nguồn: Sổ cổ đông công ty tại ngày 20/09/2010)

4. Cơ cấu cổ đông, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của Công ty

4.1 Cơ cấu cổ đông Công ty

Bảng 9: Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại ngày 30/09/2010)

T	Danh mục	Vốn điều lệ đăng ký (VND)	Vốn điều lệ thực góp (VND)	% trên VDL thực góp	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
						Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông trong nước	123.000.000.000	123.000.000.000	82,00%	241	5	236
	Cổ đông là tổ chức	83.542.560.000	83.542.560.000	55,70%	5	5	
	Cổ đông là cá nhân	39.457.440.000	39.457.440.000	26,30%	236		236



2	Cổ đông nước ngoài	27.000.000.000	27.000.000.000	18,00%	1	1	-
	Cổ đông là tổ chức	27.000.000.000	27.000.000.000	18,00%	1	1	-
	Cổ đông là cá nhân	-	-	-	-	-	-
	Tổng	150.000.000.000	150.000.000.000	100%	242	6	236

(Nguồn: Sổ cổ đông công ty tại ngày 30/09/2010)

4.2 Cổ đông sáng lập của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102560459 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp sửa đổi lần 2 ngày 13/10/2010 (chuyển từ số 0103021005 cấp ngày 27/11/2007), chi tiết cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

Bảng 10: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	ĐKKD/CM ND	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ trọng
1	Tổng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Việt Nam <u>Đại diện:</u> - Bà: Cao thị Liên - Ông: Phan Đại Thành - Ông: Trần Việt Nguyên - Ông: Nguyễn Anh Tuấn	198 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà nội	0104001381	7.650.000 2.250.000 1.800.000 1.800.000 1.800.000	51,00%
2	Công ty YTL Power Services Sdn.Bhd <u>Đại diện:</u> Ông: Edwind Harald Burchardt	Tầng 8, Tòa nhà Menara, 84 Jalan Raja Chulan, 50200 Kuala Lumpur Malaysia	27864U	2.700.000 2.700.000	18,00%
3	Công ty CP TNHH Phát triển công nghệ (CFTD) <u>Đại diện:</u> Ông: Lương Ngọc Anh	639 La Thành, Thành Công, Ba Đình, Hà nội	045479	330.000 330.000	2,20%
4	Hoàng Hà	Số 15A, Ngõ 167, Thanh Nhân, Hà nội.	011287934	507.000	3,38 %
5	Đào Mạnh Hùng	P2F5, tập thể Cao su sao vàng, ngõ 41 đường Khương Đình, Thanh Xuân, Hà nội	011946672	547.900	3,65%
6	Nguyễn Duy Long	Số 182 C4, tập thể Quỳnh Lôi, Hai Bà	012909154	114.500	0,76%



		Trung, Hà nội.			
7	Quách thị Mai Anh	Số 10, ngõ 40, Ngụy Như Kom Tum, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà nội.	012207690	633.500	4,22%
8	Phạm Đức Nghĩa	Số 12, Ngách 155/164, Trường Chinh, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà nội.	011764735	10.000	0,07%
9	Đặng thị Việt Thúy	Số 5A2, tập thể Điện lực 1, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà nội	011829321	22.000	0,15%
10	Dương Hồng Phong	Số 166, tổ 20, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà nội	117633281	63.000	0,42%
11	Nguyễn Thanh Tùng	Đông Trung, Tiên Hải, Thái Bình	151286921	8.000	0,05%
12	Đặng Chí Hiếu	Tầng 2, phòng 2, tập thể Cty Bách Hóa, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà nội	012042597	31.500	0,21%
Tổng cộng				12.617.400	84,11%

(Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102560459 cấp ngày 13/10/2010)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102560459 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp sửa đổi lần 2 ngày 13/10/2010 (chuyển từ số 0103021005 cấp ngày 27/11/2007), số cổ phần của cổ đông sáng lập là 12.617.400 cổ phần, chênh lệch so với đăng ký kinh doanh lần thứ nhất là 17.400 cổ phần. Nguyên nhân do các cổ đông hiện hữu của Công ty đang nắm giữ một số cổ phần phổ thông tiếp tục nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông Sáng lập Hoàng Hà cho các cổ đông khác (theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông PV Power Services thông qua ngày 06/9/2010), Các cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông sáng lập Hoàng Hà trở thành cổ đông sáng lập của Công ty, chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Số CP phổ thông đang nắm giữ	Số cổ phần nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Hà	số cổ phần nắm giữ sau khi nhận chuyển nhượng
1	Ông Đào Mạnh Hùng	900	547.000	547.900
2	Ông Dương Hồng Phong	5.000	58.000	63.000
3	Bà Đặng chí Hiếu	11.500	20.000	31.500



	Tổng cộng	17.400	625.000	642.400
--	------------------	---------------	----------------	----------------

4.3 **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ**

Bảng 11: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ tại ngày 30/9/2010

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ trọng
1	Tổng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	198 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà nội	7.650.000	51%
2	Công ty YTL Power Services Sdn.Bhd	Tầng 8, Tòa nhà Menara, 84 Jalan Raja Chulan, 50200 Kuala Lumpur Malaysia	2.700.000	18%
	Tổng cộng		10.350.000	69%

(Nguồn: Sổ cổ đông công ty tại ngày 30/09/2010)

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà PV Power Services đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PV Power Services.**

5.1 **Công ty mẹ:**

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV-Power) là Công ty TNHH một thành viên do Tập Đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam đầu tư 100% vốn, được thành lập theo Quyết định 1468/QĐ-DKVN ngày 17/5/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Vốn điều lệ : 11.150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười một nghìn, một trăm năm mươi tỷ đồng)

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power tại PV Power Services : 51% vốn điều lệ của PV Power Services

Trụ sở chính: Số 198 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0104001381 do Sở KHĐT TPHN cấp ngày 30/05/2007, các ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP);
- Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có cả đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng;





- Đầu tư, cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin;
- Đầu tư và nhận ủy thác đầu tư;
- Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử;
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh năng lượng, nhiên liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện;
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất, kinh doanh điện;
- Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện;
- Kinh doanh bất động sản; Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để thuê lại;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
- Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch;
- Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng;
- Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện;
- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;
- Dịch vụ đào tạo các khóa ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp;
- Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp;
- Dịch vụ mua sắm, lắp đặt các hệ thống điện tại các công trình xây dựng.

5.2 Công ty con:

Không có

6. Hoạt động kinh doanh của Công ty

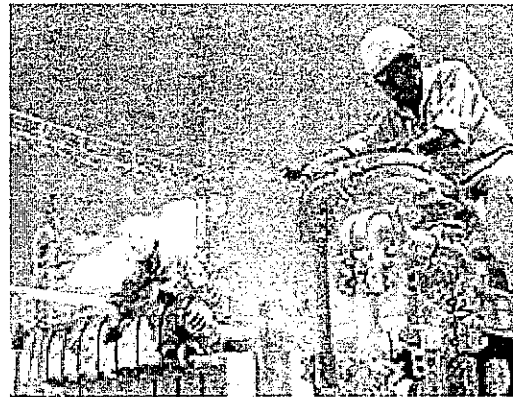
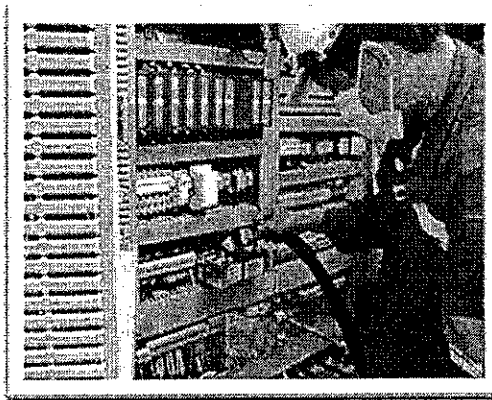
6.1 Tình hình chung

Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam hoạt động trên lĩnh vực chính là: cung cấp dịch vụ sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng và dịch vụ kỹ thuật cho các nhà máy điện.

- Dịch vụ cung cấp cho các nhà máy điện

Công ty thực hiện cung cấp các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng cho các nhà máy điện định kỳ hàng quý, năm và thực hiện sửa chữa khi các nhà máy điện có phát sinh sự cố với đầy đủ mức độ từ thiết kế, công nghệ, xây lắp và triển khai và tích hợp dự án. Bao gồm các hoạt động chính như: Bảo trì, bảo dưỡng các tổ máy của các nhà máy điện. Bảo trì các bộ phận của nhà máy điện: động cơ tua bin khí, tua bin hơi, máy phát điện, hệ thống kiểm soát các thiết bị liên quan đến các nhà máy điện.

Một số hình ảnh hoạt động dịch vụ của Công ty



- Dịch vụ khác

Bên cạnh hoạt động chủ đạo của mình, Công ty đã mở rộng sản xuất hoạt động kinh doanh trên cơ sở thế mạnh ngành nghề truyền thống chính, tận dụng năng lực kỹ thuật sẵn có của đội ngũ cán bộ - kỹ sư, trang thiết bị máy móc dụng cụ chuyên dùng thực hiện dịch vụ khác... đa dạng hóa ngành nghề, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bao gồm các hoạt động: Tư vấn, xây dựng và quản lý các nhà máy điện, thực hiện đào tạo chuyên sâu, nghiên cứu áp dụng có hiệu quả các công nghệ mới cho nhà máy điện, kinh doanh vật tư thiết bị điện, điện tử viễn thông...

PV Power Services là doanh nghiệp mới thành lập năm 2007, tính đến nay Công ty đã ký được 02 Hợp đồng có giá trị lớn gồm: Hợp đồng thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên của nhà máy điện Cà Mau 1&2 và Hợp đồng với nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Đặc thù của dịch vụ sửa chữa bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện là máy móc, các thiết bị thay thế, thiết bị sử dụng bảo trì phải đồng bộ và được cung cấp độc quyền từ nhà sản xuất trang thiết bị cho nhà máy điện. Vì vậy khi tham gia sửa chữa bảo trì bảo dưỡng nhà máy điện nào thì thiết bị PV Power Services sử dụng phải đặt hàng từ những nhà sản xuất cung cấp máy móc cho nhà máy

điện đó. Bên cạnh đó do quy mô lớn của 02 nhà máy điện trên, nên song song với h
trì bảo dưỡng do chính Công ty thực hiện thì Công ty phải ký kết hợp đồng dài hạn với nhà
phụ OEM (Original Equipment Manufacturer) và hoạt động với vai trò là tổng thầu. OEM là nhà
thầu uy tín trên thế giới cung cấp trọn gói hệ thống máy móc thiết bị của Nhà máy đi kèm với
các dịch vụ hỗ trợ bảo trì, vận hành thiết bị đã cung cấp. Việc hợp tác với Nhà thầu OEM trong
công tác bảo trì, bảo dưỡng sẽ đảm bảo về cung cấp đầy đủ, kịp thời các thiết bị đồng bộ từ nhà
sản xuất công nghệ của các nhà máy điện và điều động các chuyên gia uy tín trên thế giới để
đảm bảo nhà máy vận hành thông suốt. Điều này là tiền đề quan trọng tạo đà cho Công ty ổn
định bộ máy quản lý và sản xuất trực tiếp đồng thời tiếp cận nhanh chóng với công nghệ tiên
tiên góp phần đẩy nhanh tiến độ nội địa hóa công tác dịch vụ kỹ thuật, tăng dần hiệu quả sản
xuất kinh doanh.

Bảng 12 : Cơ cấu Doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008, 2009
và 9 tháng năm 2010.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	Doanh thu thuần	124.123	100%	1.123.476	100%	461.377	100%
1	Doanh thu dịch vụ cung cấp cho các nhà máy điện	123.489	99,5%	1.107.738	98,6%	459.996	99,70 %
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật khác	634	0,5%	15.738	1,4%	1.381	0,30%
II	Lợi nhuận gộp	3.755	100%	24.299	100%	13.015	100%
	Trong đó:						
1	Lợi nhuận gộp từ DV cung cấp cho các nhà máy điện	3.319	88,4%	22.320	91,8%	12.670	97,3%
2	Lợi nhuận gộp từ DV kỹ thuật khác	436	11,6%	1.979	8,2%	345	2,7%
III	Lợi nhuận						
1	Lợi nhuận trước	1.458		16.327		9.078	



	thuế TNDN					
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.036		13.435		6.799

(Nguồn: - PV Power Services cung cấp)

Hoạt động chính của Công ty là sửa chữa, cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy điện. Dịch vụ này chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu toàn Công ty. Có thể thấy rõ điều này qua bảng 10, trong đó dịch vụ này chiếm khoảng 99% doanh thu thuần. Ngoài ra, các dịch vụ khác của Công ty như: tư vấn, xây dựng và quản lý các nhà máy điện, thực hiện đào tạo chuyên sâu, nghiên cứu áp dụng có hiệu quả các công nghệ mới cho nhà máy điện chiếm tỷ trọng nhỏ trong doanh thu thuần toàn Công ty. Trong những năm tới, tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật khác của Công ty xu hướng tăng dần do chiến lược mở rộng thêm các dịch vụ khác trong lĩnh vực công nghiệp và tiêu dùng. Tuy nhiên Doanh thu dịch vụ cung cấp cho các nhà máy điện vẫn là nguồn doanh thu chính của Công ty.

Doanh thu thuần năm 2009 đã tăng 805,1% so với năm 2008, lợi nhuận sau thuế năm 2009 tăng so với năm 2008 với mức tăng ấn tượng là 1196,2%. Trong năm 2009 có sự tăng mạnh về doanh thu và lợi nhuận so với năm 2008 do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Năm 2008 Công ty đang trong giai đoạn thiết lập bộ máy quản lý điều hành. Bước đầu, Công ty chỉ thực hiện các hạng mục sửa chữa thường xuyên tại Nhà máy điện Cà mau 1, trong khi các khoản chi phí cố định và chi phí thành lập bộ máy công ty lớn do đó doanh thu và lợi nhuận Công ty còn khá khiêm tốn so với quy mô vốn và hoạt động của mình.

Năm 2009 Công ty bắt đầu thực hiện các hoạt động dịch vụ kỹ thuật có tính quy mô lớn khi PV Power Services ký Hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng dài hạn Nhà máy điện Cà Mau 1&2 với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV - Power). Giá trị hợp đồng tính bình quân hàng năm trên 970 tỷ đồng, riêng giá trị thực hiện của PV POWER SERVICES tại Nhà máy điện Cà mau 1&2 năm 2009 đạt 1.080 tỷ đồng. Từ năm 2009, PV Power Services bắt đầu thực hiện một số hoạt động dịch vụ kỹ thuật tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và được ghi nhận doanh thu từ các hoạt động này.

Doanh thu được ghi nhận 9 tháng đầu năm 2010 đã đạt so với kế hoạch đặt ra, tuy nhiên chưa phản ánh đầy đủ giá trị thực hiện dịch vụ đã thực hiện do có sự thay đổi về quy trình nghiệm thu của Nhà máy điện Cà mau từ phía Chủ đầu tư dẫn đến việc ghi nhận doanh thu, lợi nhuận chậm hơn so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên giá trị dịch vụ kỹ thuật thực hiện cả năm 2010 tại Nhà máy điện Cà mau vẫn đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch. Năm 2010 cũng đánh dấu từng bước phát triển của PV Power Services thông qua việc ký Hợp đồng bảo trì bảo dưỡng dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 tại Đồng Nai với PV Power, chính thức triển khai các hoạt động dịch vụ kỹ thuật trên toàn nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Vì vậy, Doanh thu cả năm 2010 của PV Power Services dự kiến sẽ vượt từ 10 – 20% so với kế hoạch, đảm bảo mức tăng trưởng của PV Power Services.

Thời gian các hợp đồng bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện ký kết giữa PV Power Services và PV Power kéo dài trong vòng 8-12 năm. Do đó trong những năm tới Công ty tiếp tục ghi nhận doanh thu từ dịch vụ cung cấp cho các nhà máy điện này. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp

nhận các hợp đồng được PVN giao và thực hiện đàm phán ký kết các hợp đồng bên ngoài ngành dầu khí. Vì vậy, Doanh thu của Công ty được dự báo tăng trưởng bền vững.

6.2 Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản và quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power Services. Việc chủ động nguồn nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp hoạt động được hiệu quả hơn, đảm bảo tiến độ đã cam kết với khách hàng. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện, nguyên vật liệu của Công ty bao gồm nguyên vật liệu cho công việc bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các nhà máy và thiết bị sửa chữa thay thế khi nhà máy gặp sự cố hoặc nâng cao công nghệ. Đây là những mặt hàng mang tính đặc thù bởi hoạt động bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy điện đòi hỏi vật tư, thiết bị luôn gắn liền với tính đồng bộ của hệ thống và chịu ảnh hưởng của sự phát triển khoa học, công nghệ. Do đó PV Power Services phải đặt hàng dài hạn từ Nhà sản xuất tương ứng với một chu kỳ vận hành của Nhà máy. Để đảm bảo quá trình vận hành các nhà máy điện thông suốt, Các nhà cung cấp sản phẩm, thiết bị cho Công ty được xem như những đối tác chiến lược, có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy Công ty đã ký kết các hợp đồng dài hạn với các nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên vật liệu, thiết bị kịp thời cho công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa cho các nhà máy. Một số thiết bị chính công ty sử dụng trong công tác sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng như sau:

Bảng 13: Danh sách thiết bị của Công ty

TT	Tên thiết bị	Tên nước sản xuất
1	Xe nâng	Nhật
2	Máy hàn điểm	Nhật
3	Máy hàn TIG	Hàn Quốc
4	Bộ định Tuyến SWITCH	Malaysia
5	Phần mềm CMMS	Nhật
6	Máy gia nhiệt	Anh
7	Máy thử dầu cách điện	Châu Âu
8	Máy bơm hút chân không	Châu Âu
9	Máy lọc sấy chân không dầu cách điện	Châu Âu
10	Cầu đo điện trở một chiều	Châu Âu
1	Bộ hiển thị sóng	Châu Âu
12	Bộ thử bán dẫn	Châu Âu
13	Thiết bị thử nghiệm buồng chân không	Châu Âu

(Nguồn: PV Power Services cung cấp)

• **Tính ổn định của nguồn nguyên vật liệu:**

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty đều là những doanh nghiệp có uy tín lâu năm trên thị trường. Trên cơ sở khảo sát thị trường, Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên vật liệu cần sử dụng, tập hợp đánh giá khả năng cung cấp sản phẩm của các nhà cung ứng, lựa chọn nhà cung ứng phù hợp và thực hiện việc ký hợp đồng và kiểm soát quá trình thực hiện hợp đồng. Việc lựa chọn, đánh giá nhà cung ứng được thực hiện thường xuyên, phù hợp với từng dự án đảm bảo nguyên vật liệu được cung cấp ổn định, đầy đủ, đạt yêu cầu về chất lượng, đặc tính kỹ thuật, có chứng chỉ xuất xứ hàng hoá rõ ràng. Công ty thực hiện việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, giúp họ an tâm thực hiện cung cấp theo đúng hợp đồng đã ký kết.

• **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty:**

Vật tư, thiết bị thay thế: đặc thù của vật tư, thiết bị luôn gắn liền với tính đồng bộ của hệ thống và chịu ảnh hưởng của sự phát triển khoa học, công nghệ, do đó PV Power Services phải đặt hàng dài hạn từ Nhà sản xuất tương ứng với một chu kỳ vận hành của Nhà máy. Vì vậy, đây là một khoản chi phí được xác định trước và ít bị biến động bởi giá cả thị trường, là yếu tố quan trọng để PV Power Services xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Vật tư, thiết bị dùng trong sửa chữa: do kế hoạch sản xuất của PV Power Services có tính ổn định lâu dài tạo điều kiện cho đơn vị xác định được nhu cầu sử dụng vật tư, thiết bị. Mặt khác, trong quá trình mua sắm, PV Power Services đã lựa chọn được các đối tác là Nhà cung cấp khác, giảm thiểu được các chi phí phát sinh trong quá trình lựa chọn Nhà thầu cung cấp và tạo nên sự ổn định và ít biến động về giá cả đối với loại vật tư này.

6.3 Chi phí sản xuất

Bảng 14: Cơ cấu chi phí của năm 2008, 2009 và 9 tháng năm 2010

Đơn vị: Triệu đồng

T T	Nội dung	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng năm 2010	
		Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần (%)
I	Giá vốn hàng bán	120.368	96,97%	1.099.177	97,83%	448.362	97,18%
1	Chi phí do Nhà thầu OEM thực hiện	118.606	95,55%	1.079.976	96,13%	437.973	94,93%
2	Chi phí do PV Power Services thực hiện	1.762	1,42%	19.201	1,70%	10.389	2,25%
II	Chi phí quản lý	13.079	10,54%	18.492	1,65%	13.215	2,86%

doanh nghiệp							
Tổng cộng	133.447	107,51%	1.117.670	99,48%	461.769	100,04%	

(Nguồn: - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009

- Báo cáo tài chính quý III năm 2010 do Công ty lập)

(Chú thích: Do có sự phân loại lại một số khoản mục trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 nên các số liệu trong Bản cáo bạch này là số liệu lấy trên Báo cáo tài chính kiểm toán của năm 2009)

6.3.1 Về giá vốn hàng bán:

Xét về cơ cấu chi phí của PV Power Services, chi phí Giá vốn hàng bán chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí và luôn chiếm tỷ trọng trên 90% doanh thu thuần của Công ty. Chi phí giá vốn chủ yếu là chi phí mua thiết bị sửa chữa bảo dưỡng và chi phí nhân công. Do đặc thù của dịch vụ sửa chữa bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện yêu cầu tính đồng bộ về máy móc, các thiết bị thay thế, thiết bị sử dụng bảo trì được cung cấp độc quyền từ nhà sản xuất trang thiết bị cho nhà máy điện. Vì vậy khi tham gia sửa chữa bảo trì bảo dưỡng nhà máy điện nào thì thiết bị PV Power Services sử dụng phải đặt hàng từ những nhà sản xuất cung cấp máy móc cho nhà máy điện đó.

Bên cạnh đó chi phí thuê nhân công chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán do khi chuẩn bị cho công tác bảo trì, bảo dưỡng cho nhà máy điện PV Power Services hiện tại đang áp dụng hình thức thuê chuyên gia từ chính nhà sản xuất với mục đích vừa sản xuất vừa học hỏi kinh nghiệm lâu năm đồng thời tiếp cận dần công nghệ hiện tại sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện của bạn.

Qua bảng cơ cấu chi phí có thể thấy chi phí do nhà thầu OEM thực hiện chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu thuần. Như vậy để gia tăng lợi nhuận của PV Power Services, Công ty phải đẩy mạnh tỷ lệ nội địa hóa bằng cách giảm tỷ lệ thuê nhà thầu nước ngoài thực hiện.

Phạm vi hoạt động sửa chữa và bảo trì của nhà thầu OEM sẽ phụ thuộc vào nhu cầu bảo trì bảo dưỡng của nhà máy điện, chu kỳ hoạt động và yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị. Trung bình một đời vận hành của thiết bị trong nhà máy điện là 12 năm. Căn cứ vào các yếu tố trên, OEM sẽ xác định thời điểm và khối lượng công việc dịch vụ cụ thể như: bảo trì, sửa chữa thường xuyên, tiêu tu, trung tu hay đại tu.

Về chi phí hoạt động của OEM bao gồm:

- Chi phí biến đổi: là chi phí tính theo giờ vận hành của nhà máy điện = số giờ vận hành x đơn giá của 1 giờ vận hành
- Chi phí cố định : là chi phí cố định để duy trì dịch vụ
- Và chi phí huy động: là chi phí chuẩn bị thực hiện dịch vụ

Về chi phí Chi phí do PV Power Services thực hiện bao gồm:

- Chi phí nhân công
- Chi phí vật tư sửa chữa

- Chi phí máy thi công
- Chi phí khác

6.3.2 Về chi phí quản lý doanh nghiệp

Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu của Công ty năm 2009 giảm mạnh so với năm 2008. Để đạt kết quả như vậy, PV Power Services đã áp dụng một loạt các biện pháp kiểm soát chi phí sản xuất trong tất cả các lĩnh vực như:

- Nghiên cứu thực hiện nghiêm túc luật pháp, quy phạm, tiêu chuẩn và các quy định trong mọi lĩnh vực nhằm thực hiện đúng mọi hoạt động trong sản xuất kinh doanh;
- Áp dụng ISO 9000 trong mọi hoạt động nhằm quản lý tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí giá thành;
- Lập các biện pháp sản xuất, tối ưu nhằm chọn lựa phương án sản xuất phù hợp và hiệu quả;
- Xây dựng hệ thống định mức chi phí trong quản lý và sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý và giám sát chi phí doanh nghiệp;
- Thực hiện công tác đấu thầu dự án nhằm chọn lựa, cạnh tranh và giảm chi phí giá thành sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Tăng cường phát huy, áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng công nghệ xây dựng tiên tiến tăng cường công tác thi đua động viên sản xuất, đánh giá năng suất lao động, khuyến khích bằng vật chất nhằm tạo năng suất lao động cao, tăng chất lượng dịch vụ;

6.4 Trình độ Công nghệ

Phát triển, nâng cao trình độ công nghệ là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty cho mục tiêu phát triển trong những năm tới. Công nghệ công ty sử dụng đáp ứng được công suất thiết cao. Tiếp tục chiến lược nâng cao trình độ công nghệ, Công ty đã trở thành đối tác của nhiều hãng lớn trên thế giới như Siemens, Hyundai, Artech, Fortune Electric... Trong những năm qua, rất nhiều kỹ sư, công nhân kỹ thuật của Công ty được cử đi đào tạo tại các nhà sản xuất thiết bị các nhà máy điện ở nước ngoài.

Bảng 16: Các thiết bị chính hiện tại đang bảo trì tại các nhà máy điện

Tên trang thiết bị	Tính năng	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Công suất thiết kế	Công suất thực tế	Số lượng
Turbine khí + Máy phát	Phát điện năng	Siemens	Đức	252783KW	256MW	04
Turbine hơi + Máy phát	Phát điện năng	Siemens	Đức	263 MW	265MW	02
Máy biến áp lực	Biến đổi điện năng	Huynđai	Hàn Quốc	300MW	300MW	06
Máy biến thế tự		Huynđai	Hàn	23MVA	23MVA	04

dùng			quốc			
Máy cắt sân trạm 220kV	Thiết bị đóng cắt điện	Siemens	Đức	Cắt dòng định mức 3150 A	Cắt dòng điện 3150 A	28
Dao cách ly 220kV	Thiết bị cách ly	Siemens	Đức	Điện áp định mức 220kV		72
Biến điện áp đo lường, bảo vệ	Dùng cho đo lường hay bảo vệ	Arteche	Spain	Điện áp định mức 220kV		35
Biến dòng điện đo lường, bảo vệ	Dùng cho đo lường hay bảo vệ	Arteche	Spain	Điện áp định mức 220kV		24
Relays bảo vệ (nhiều loại của siemens)	Bảo vệ các thiết bị điện	Siemens	Đức			42
Switchgear AC và DC	Dùng để điều khiển đóng cắt các động cơ thiết bị điện.	Siemens	Đức	0.005kW đến 200kW		330
Hệ thống mạng máy tính và phần mềm theo công nghệ Siemens	Dùng điều khiển toàn bộ các thiết bị trong nhà máy	Siemens	Đức			02
Level, pressure và tempratue switch	Công tắc mực và áp suất		Nhiều nước sản xuất			240
Đồng hồ nhiệt độ	Đo nhiệt độ của thiết bị, nước, hơi và nhớt..		Nhiều nước sản xuất			560
Đồng hồ Áp suất	Áp suất nước, hơi và nhớt...		Nhiều nước sản xuất			500
Đo mực	Đo mực nhớt, nước..		Nhiều nước sản			240



			suất			
Lò hơi phụ	Giảm thời gian khởi động cho lò chính	SAACKE	Đức			02
Máy biến áp lực	Biến đổi điện năng	Fortune electric	Đài loan	200 MVA	225 MVA	03
Máy biến áp tự dòng 15/6,6kV	Biến đổi điện năng	Fortune electric	Đài loan	15 MVA	15 MVA	02
Máy biến áp tự dòng 6,6/0,4kV	Biến đổi điện năng	Fortune electric	Đài loan	2 MVA	2 MVA	04
Máy cắt sân trạm 245kV	Thiết bị đóng cắt điện	Areva	Pháp	Dòng cắt định mức là 4000A	Dòng cắt định mức là 4000A	11
Dao cách ly 220kV	Thiết bị cách ly	Areva	pháp			29
Động cơ điện cao áp (6,6kV)	Dùng để kéo bơm nước trong các chu trình kín	Alstom			Công suất lên đến 8MW	13

(Nguồn: PV Power Services cung cấp)

6.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

PV Power Services đang nỗ lực xây dựng công ty trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực sửa chữa, bảo trì và vận hành các nhà máy điện. Bên cạnh đó Công ty đang tiến hành nghiên cứu xây dựng quy trình để tiến hành sửa chữa bảo trì các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện than, điện nguyên tử... Trong đó phần đầu đến năm 2015 trở thành nhà cung cấp dịch vụ cho tất cả các dự án nhà máy điện thuộc Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam.

Hiện nay Công ty đang tiến hành nghiên cứu cung cấp dịch vụ sửa chữa bảo trì nhà máy Phong điện (dùng sức gió để tạo ra điện năng. Đây là một loại hình mới sẽ phát triển mạnh trong tương lai bởi giá thành sản phẩm điện năng do nhà máy điện này cung cấp có chi phí rẻ hơn các loại hình cung cấp điện năng khác.

Ngoài ra Công ty cũng đang nghiên cứu đầu tư nhà máy sản xuất lắp ráp đèn tiết kiệm năng lượng phục vụ cho công nghiệp và tiêu dùng để cung cấp sản phẩm này ra thị trường trong thời gian tới.

Công tác nghiên cứu, sản xuất thử tiến tới sản xuất đồng loạt để thay thế một số chủng loại vật tư, phụ tùng của Nhà thầu OEM là mục tiêu hàng đầu trong chiến lược gia tăng tỷ lệ nội

địa hóa công tác dịch vụ kỹ thuật trong các nhà máy điện của PV Power Services.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

a. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ do đó chất lượng dịch vụ là yếu tố quan trọng, hàng đầu quyết định sự thành công trong hoạt động kinh doanh của PV Power Services. Hiểu rõ được tầm quan trọng của chất lượng dịch vụ, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ áp dụng cho các dự án bảo trì, bảo dưỡng toàn Công ty

b. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:

Bộ phận kiểm tra, giám sát chất lượng của Công ty thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc, các phó Tổng Giám đốc và các trưởng Ban quản lý tại các dự án trên cơ sở quy trình quản lý chất lượng sản phẩm. Các quy trình đều tuân thủ chặt chẽ theo các quy định về Hệ thống kiểm tra chất lượng của Công ty nhằm đảm bảo sản phẩm của PV Power Services sẽ đáp ứng được các tiêu chuẩn và đem lại sự hài lòng cho khách hàng.

6.7 Hoạt động Marketing

Bên cạnh công tác quản lý chất lượng dịch vụ, PV Power Services luôn duy trì và tổ chức thực hiện công tác marketing phù hợp với chính sách phát triển của công ty như: nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng mức giá cạnh tranh để duy trì và phát triển quan hệ với khách hàng cũ, tiếp cận và thu hút khách hàng mới hay khách hàng tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của mình.

Trong thời gian gần nhất, PV Power Services sẽ thiết lập một bộ phận chuyên trách về nghiên cứu thị trường, quảng bá và phát triển thương hiệu, chuyên môn hóa hoạt động marketing nhằm mở rộng phạm vi, khả năng tiếp cận thị trường sản xuất và tiêu dùng, trong nước và ngoài nước.

6.7.1. Các hoạt động quan hệ công chúng (PR)

PV Power Services đang thực hiện các hoạt động quảng bá hình ảnh thương hiệu của mình thông qua nhiều kênh khác nhau như:

- Xây dựng trang web riêng của PV Power Services;
- Kết nối với thương hiệu PV-Power và PETROVIETNAM;
- Trên các báo chuyên ngành, trang tin đầu thầu,...
- Qua các hội thảo, workshop, triển lãm chuyên ngành, diễn tập, thao diễn;
- Qua các chương trình giao lưu và các hoạt động văn hóa thể thao với các công ty dầu khí (golf, tennis, bóng đá,...) và các đơn vị, cơ quan trên địa bàn công ty hoạt động;
- Giới thiệu trực tiếp với khách hàng thường xuyên và khách hàng tiềm năng;

Dịch vụ PV Power Services có đặc trưng là cung chưa đáp ứng đủ cầu nên trong thời gian

qua PV Power Services chưa tập trung mạnh vào các hoạt động quảng bá trên báo chí, đài truyền hình địa phương... mà chỉ tập trung vào khâu nâng cao chất lượng dịch vụ và đầu tư bổ sung năng lực cung cấp dịch vụ. PV Power Services tham gia nhiệt tình các hoạt động phong trào của Tập đoàn Dầu khí, Tổng công ty Điện lực Dầu khí và các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên và Công đoàn. Trong những năm tới, PV Power Services sẽ đẩy mạnh chính sách khuyến khích các hoạt động cộng đồng, chính sách quan hệ công chúng bên cạnh chính sách marketing truyền thông.

6.7.2. Chính sách giá cả:

- Do tính chất đặc thù lĩnh vực hoạt động SXKD của PV Power Services giá dịch vụ của PV Power Services được xây dựng trên cơ sở phương pháp so sánh với giá cung cấp dịch vụ trên thị trường và phương pháp xác định chi phí giá thành nhằm tạo được chính sách giá cả phù hợp, có tính cạnh tranh.

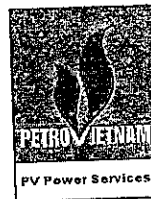
- Việc gia tăng tỷ lệ nội địa hóa công tác dịch vụ kỹ thuật được xem là điều kiện tiên quyết để giảm giá thành và đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường.

6.7.3. Hoạt động xây dựng thương hiệu

- Xây dựng và tổ chức tốt trang Web của PV Power Services;
- Tạo dựng được ấn tượng ban đầu với khách hàng;
- Lên kế hoạch cho một chiến lược quảng cáo thuyết phục;
- Sử dụng bản thông cáo báo chí để quảng bá hình ảnh công ty;
- Nhắm tới những nhân vật có ảnh hưởng sâu rộng;
- Giao thiệp sâu rộng với cộng đồng và thường xuyên tổ chức gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với khách hàng cũng như đối tác.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

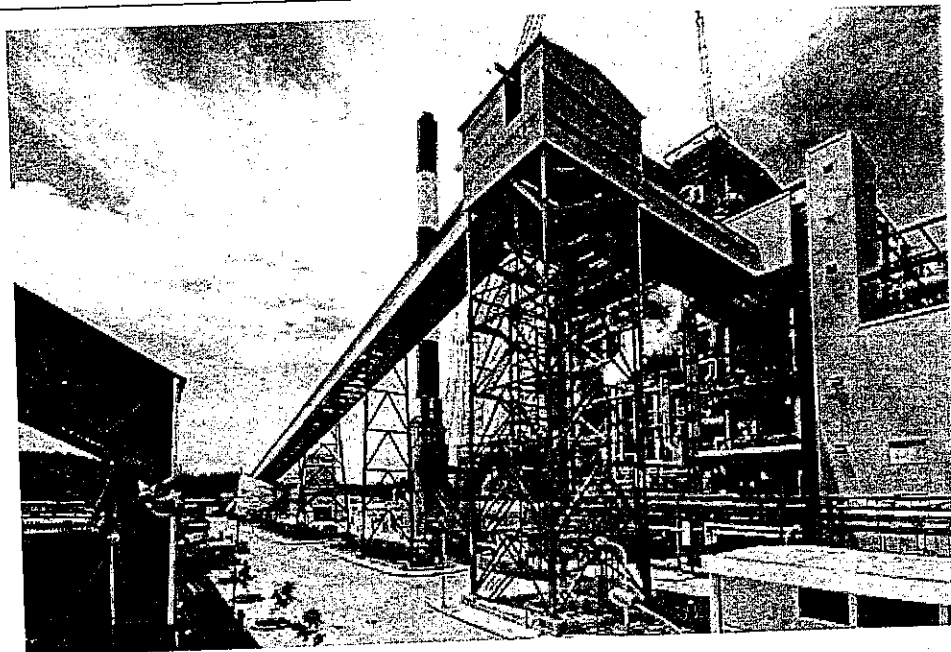
Logo của Công ty đang sử dụng là logo chung của các doanh nghiệp trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Hiện nay Công ty đang triển khai việc đăng ký nhãn hiệu thương mại.



Logo có phần biểu tượng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, bên dưới có dòng chữ PV Power Services thể hiện tên viết tắt của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

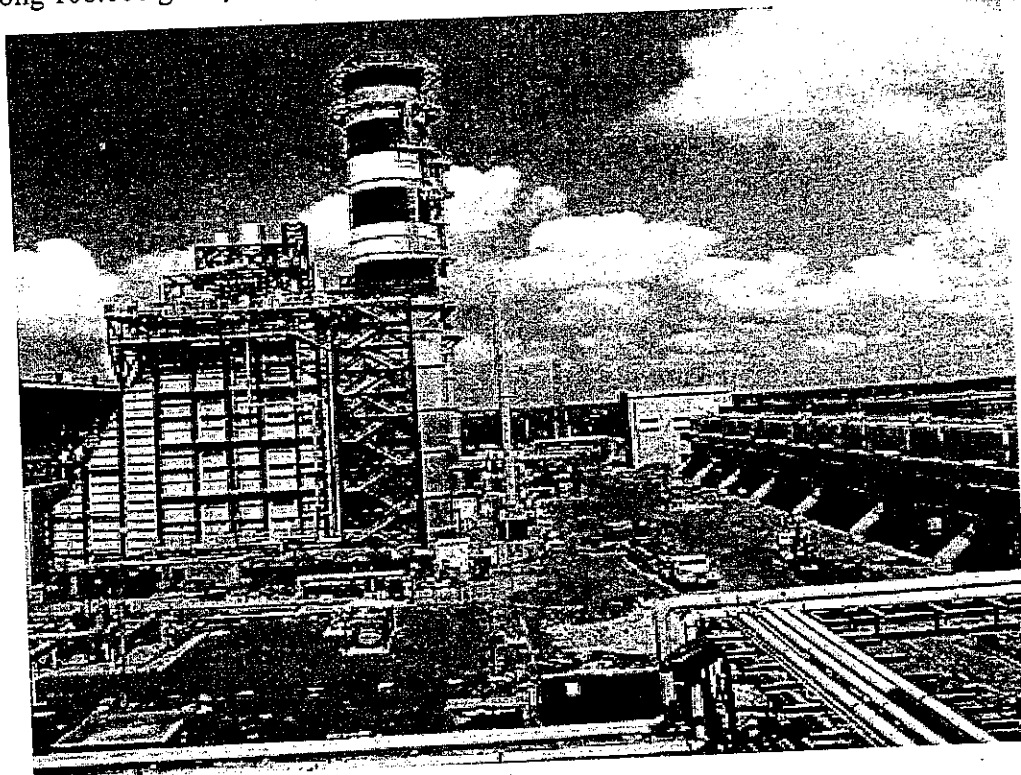
6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện/đã được ký

- ✓ Công tác bảo trì, bảo dưỡng dài hạn Nhà máy điện Cà Mau 1&2.



Nhà máy điện Cà Mau 1

Nhà máy điện Cà Mau 1 bắt đầu vận hành vào tháng 3/2008. Chu trình hỗn hợp gồm 4 tổ máy tuabin khí, 2 tổ máy tuabin hơi, 6 máy phát, 4 lò thu hồi nhiệt nhiệt và các thiết bị phụ trợ có tổng công suất là 1.500MW. PV Power Services đang là tổng thầu thực hiện với giá trị hợp đồng 320.892.435 EURO và 620.636.921.240 VNĐ, thời gian thực hiện Hợp đồng: 12,25 năm (tương đương 108.000 giờ vận hành)



Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

✓ Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 bao gồm: 1 tổ máy tuabin khí, 1 tổ máy tuabin hơi, 3 máy phát, 2 lò thu hồi nhiệt và các thiết bị phụ trợ có tổng công suất là 450MW. Hiện tại PV Power Services hiện là tổng thầu thực hiện với giá trị hợp đồng: 126,615,071.07 EURO và 558.874.712.609 VNĐ, thời gian thực hiện hợp đồng: 12 năm (tương đương 108.000 giờ vận hành)

Bảng 17: Các Hợp đồng PV Power Services đã thực hiện theo thời gian

TT	Nội dung Hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời hạn thực hiện		Đơn vị ký kết hợp đồng
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Cung cấp nhân sự cho Siemens trong việc thực hiện công việc bảo dưỡng NMD Cà Mau 1	USD 3,518.90	15/8/2008	23/8/2008	Siemens AG
2	Cung cấp vật tư và dịch vụ bảo dưỡng cho công tác tiêu tu lần đầu nhà máy điện Cà Mau 1	EUR 2,760,712.25 và VND 349.176.960	15/8/008	23/8/2008	Công ty Điện lực Dầu Khí Cà Mau
3	Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng động cơ và bơm hệ thống nước cấp lò hơi và hệ thống chân không bình ngưng	USD 18,800.00	13/9/2008	01/10/2008	Phú Mỹ 3
4	Cung cấp nhân công cho công tác tiêu tu Nhà máy điện Phú Mỹ 3	USD 4,239.00	13/9/2008	23/9/2008	Siemens Limited Việt Nam
5	Cung cấp nhân công bảo dưỡng đường khí nóng GT – Nhà máy Điện Phú Mỹ 3	USD 11,674.80	08/11/2008	17/11/2008	Siemens Limited Việt Nam
6	Thực hiện công tác sơn ký hiệu hệ thống đường ống Lò thu hồi nhiệt Nhà máy Điện Cà Mau 1&2	USD 34,200.00	14/4/2009	14/7/2009	Doosan Heavy Industries & Construction Co., Ltd
7	Cung cấp Dịch vụ thanh tra A lần đầu tiên tổ máy GT11 của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1	EURO 64.296,47 và VND 323.182.179	09/7/2009	14/7/2009	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
8	Cung cấp nhân sự thực hiện công tác Đại tu Nhà máy Điện Phú Mỹ 3	USD108,346.00	18/8/2009	02/10/2009	Siemens Limited VietNam
9	Cung cấp dịch vụ thanh tra A cho tổ máy GT12 của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1	EURO 64.067,30 và VND 246.007.356	11/10/2009	16/10/2009	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam



TT	Nội dung Hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời hạn thực hiện		Đơn vị ký kết hợp đồng
			Bắt đầu	Kết thúc	
10	Cung cấp nhân sự thực hiện phân cách nhiệt và phân cơ cho Tuabin khí Nhà máy Điện Cà Mau 1&2	USD 25,000.00	10/10/2009	18/11/2009	Siemens AG
11	Cung cấp nhân sự thực hiện công tác hàn và gá lắp cho Nhà máy Điện Cà Mau 1&2	USD 14,400.00	10/11/2009	20/11/2009	Siemens AG

(Nguồn: PV Power Services cung cấp)

Bảng 18: Các Hợp đồng đang thực hiện:

1	Công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Điện Cà Mau 1&2	EURO 320.892.435 và VND620.636.921.240	28/11/2008	Đang thực hiện	PV Power
2	Nhơn trách 1	EURO 126,615,071 và VND558.874.712.609	04/08/2010	Đang thực hiện	PV Power

(Nguồn: PV Power Services cung cấp)

Ngoài ra, theo chiến lược phát triển, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đồng ý về nguyên tắc PV Power Services sẽ làm tổng thầu:

Công tác bảo trì sửa chữa nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và tham gia một phần công tác vận hành Nhà máy khí Nhà máy bắt đầu đốt lửa lần đầu tiên, dự kiến vào tháng 12 năm 2010.

Công tác vận hành và bảo trì sửa chữa Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1 với tổng công suất là 1.200MW dự kiến sẽ đưa vào vận hành giữa năm 2011. Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1 được xây dựng với tổng mức đầu tư là 29.510 tỷ VNĐ.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2008 và năm 2009

7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 19: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tăng giảm so với năm 2008	9 tháng đầu năm 2010
1	Tổng giá trị tài sản	235.361	634.886	169,75%	352.165
2	Doanh thu thuần	124.123	1.123.476	805,13%	461.377
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.458	16.311	1018,42%	8.915
4	Lợi nhuận khác		-		162

5	Lợi nhuận trước thuế	1.458	16.327	1019,73%	9.077
6	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	422	2.892	585,9%	2.278
7	Lợi nhuận sau thuế	1.036	13.435	1196,20%	6.799
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	92	1.180	1188,82%	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	65,23%	74,92%	9,69%	-

Nguồn: - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009

- Báo cáo tài chính quý III năm 2010 do Công ty lập

Năm 2008 Công ty đang trong giai đoạn thiết lập bộ máy quản lý điều hành. Bước đầu, Công ty chỉ thực hiện các hạng mục sửa chữa thường xuyên tại Nhà máy điện Cà mau 1, trong khi các khoản chi phí cố định và chi phí thành lập bộ máy công ty lớn do đó doanh thu và lợi nhuận Công ty còn khá khiêm tốn so với quy mô vốn và hoạt động của mình.

Năm 2009 Công ty bắt đầu thực hiện các hoạt động dịch vụ kỹ thuật có tính quy mô lớn khi PV Power Services ký Hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng dài hạn Nhà máy điện Cà Mau 1&2 với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV - Power). Giá trị hợp đồng là 544.667.880.384 đồng và 371.810.785 Euro, thời gian thực hiện 12 năm. Như vậy giá trị hợp đồng tính bình quân hàng năm khoảng 970 tỷ đồng, riêng giá trị thực hiện của PV POWER SERVICES tại Nhà máy điện Cà mau 1&2 năm 2009 đạt 1.080 tỷ đồng. Bên cạnh đó, năm 2009 PV Power Services bắt đầu thực hiện một số hoạt động dịch vụ kỹ thuật tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và được ghi nhận doanh thu từ các hoạt động này. Như vậy, năm 2009 doanh thu thuần của Công ty tăng 805,13% so với năm 2008 trong khi đó tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tăng 41,2%. Ngoài ra tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu thuần năm 2008 giảm đáng kể từ 10,54% xuống 1,65% do công ty áp dụng các biện pháp giảm chi phí. Từ kết quả trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2009 đã đạt 13,435 tỷ đồng tăng 1196,2% so với năm 2008.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2009

Thuận lợi:

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam chiếm khoảng 22% tổng sản lượng cung cấp điện của Việt Nam với nhiều nhà máy điện có công suất cao, trong đó PV Power Services được chọn là đơn vị cung cấp toàn bộ các hoạt động dịch vụ trong các nhà máy điện này.

Mặc dù Công ty mới thành lập nhưng khẳng định, đứng vững và phát triển trong các lĩnh vực bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện bằng các hợp đồng lớn.

Trên cơ sở thực hiện các hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1. Được sự ủng hộ của PV Power, PV Power Services được tiếp nhận đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề từ các nhà máy điện này chuyển giao.

Ban lãnh đạo, đội ngũ cán bộ chủ chốt có trình độ, tâm huyết và gắn bó với Công ty.

Khó khăn:



Do đặc thù về kinh doanh cung cấp dịch vụ sửa chữa bảo trì các nhà máy điện, đòi hỏi thiết bị sửa chữa, bảo dưỡng phải đồng bộ với nhà sản xuất. Vì vậy công tác sửa chữa, bảo trì của Công ty phụ thuộc rất lớn vào những nhà sản xuất các thiết bị cho nhà máy điện. Mặc dù Công ty đã chủ động ký hợp đồng trước với nhà sản xuất nhưng không tránh khỏi sự biến động giá cả, công nghệ của nhà sản xuất.

Sự phát triển nhanh chóng về khoa học kỹ thuật, công nghệ trên thế giới cũng như trong khu vực trong các lĩnh vực hoạt động đặt Công ty trước nguy cơ tiềm ẩn tụt hậu về công nghệ và giảm khả năng cạnh tranh.

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực có trình độ khoa học và công nghệ cao nên vấn đề quản lý nhân sự đóng một vai trò quan trọng. Hiện tại Công ty đã bỏ chi phí đáng kể thuê các chuyên gia nước ngoài trong công tác bảo trì, bảo dưỡng nhà máy điện do đó Công ty luôn luôn chú trọng nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên để theo kịp trình độ công nghệ của các nhà máy.

8. Vị thế của Công ty so các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và triển vọng của ngành

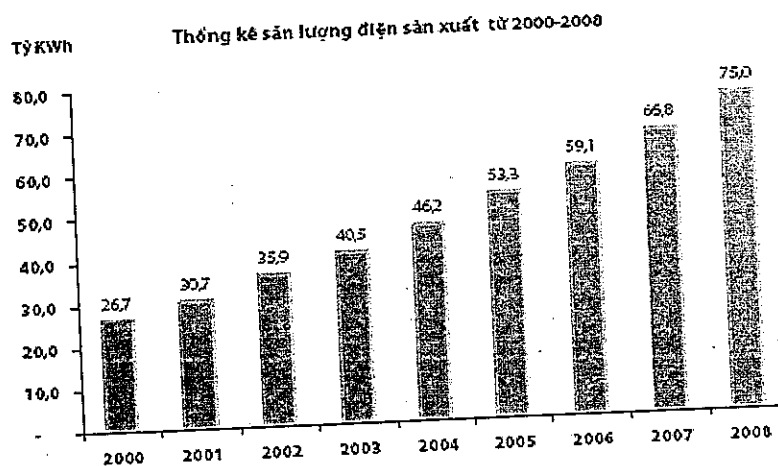
8.1 Vị thế của công ty trong ngành

PV Power Services được thành lập theo định hướng chiến lược của PVN và PV-Power xây dựng một Công ty Dịch vụ kỹ thuật cao, kinh doanh đa ngành trong nước và quốc tế, trong đó lấy công tác bảo trì sửa chữa Nhà máy điện là trọng tâm hàng đầu, xây dựng thương hiệu PV Power Services có uy tín trong nước và quốc tế; phân đầu đúng đầu về các loại hình sản phẩm dịch vụ phục vụ sản xuất điện và công nghiệp.

Hiện nay, PV Power Services là đơn vị cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì duy nhất cho các nhà máy điện của PVN và PV Power. Với mục tiêu phát huy nội lực và từng bước nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề, PV Power Services đã chủ động trong công tác bảo trì, sửa chữa giúp các nhà máy điện vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả. Không dừng lại việc cung cấp dịch vụ cho các nhà máy điện trong ngành, Công ty PV Power Services đã cung cấp nhiều loại hình dịch vụ cho đơn vị ngoài ngành như nhà máy điện Phú Mỹ 3, Công ty Đạm Phú Mỹ. Điều này đã dần dần khẳng định định hướng chiến lược phát triển của PVN, PV Power là đúng đắn.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Nhu cầu điện hằng năm tăng khoảng 16%-17%, điện đang là lĩnh vực cung không đáp ứng đủ cầu, do đó thu hút mối quan tâm của rất nhiều nhà đầu tư. Nguồn lực của một mình EVN không đủ để đáp ứng nhu cầu phát triển điện năng cho nền kinh tế, vì thế việc huy động mọi hình thức đầu tư là rất cần thiết. Dự kiến đến năm 2010, các nguồn điện ngoài EVN sẽ cung cấp tới 30% sản lượng điện toàn quốc. Sản lượng điện tiêu thụ trung bình hiện nay đạt 202 triệu kWh/ngày và công suất cực đại là 11.950MW.



Dự báo nhu cầu sử dụng điện luôn phải điều chỉnh do một số các dự án đầu tư sản xuất tăng mạnh trong thời gian vừa qua làm cho việc cung ứng điện hết sức khó khăn. Cụ thể, xuất hiện hàng loạt các siêu dự án khu liên hợp sản xuất thép như của liên doanh Vinashin (Việt Nam) - Lion (Ma-lai-xi-a) và với tổng vốn đầu tư dự kiến gần 9,8 tỷ USD; dự án thép trị giá 7,9 tỷ đô la Mỹ ở Hà Tĩnh của tập đoàn công nghiệp nặng Formosa (Đài Loan, Trung Quốc) được cấp giấy phép chứng nhận đầu tư. Tính đến nay, tổng công suất của các dự án thép được cấp giấy phép chứng nhận đầu tư lên đến 40 triệu tấn/năm. Với một ngành tiêu thụ nhiều điện năng như thép đang phát triển mạnh thì gánh nặng ngành điện phải đối mặt sẽ rất lớn. Bên cạnh đó, các dự án sản xuất hóa chất, xi măng cũng đang tiến hành xin cấp giấy phép cũng gây áp lực về nhu cầu sử dụng điện. Thách thức lớn nhất cho ngành điện hiện nay là vấn đề về vốn. Để đáp ứng được các nhu cầu trên, vốn đầu tư cho ngành điện phải ở mức 3 tỷ USD/năm, với khoảng 70% cho phát triển nguồn điện, còn lại là cho lưới điện.

Hiện nay, Chính phủ vẫn giao EVN chịu trách nhiệm chính trong việc bảo đảm điện. Theo quy hoạch điện lần VI được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, EVN đảm nhận đầu tư khoảng 50% công suất phát điện mới và toàn bộ lưới điện đồng bộ, tổng vốn đầu tư cần thiết cho nguồn và lưới điện giai đoạn 2007-2015 ước tính 700.000 tỷ đồng. Khoảng 50% tổng công suất còn lại hoàn toàn phụ thuộc vào các nhà đầu tư bên ngoài như: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam v.v...

Theo quyết định số 110/2007/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025, chiến lược phát triển của PVPower đến năm 2015 và định hướng năm 2025 đã được Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam phê duyệt và thông qua trong đó xác định rõ phát triển điện lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Xu hướng phát triển của PV Power Services là phù hợp với xu hướng của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV - Power) trong thời gian tới. Đó là "Xây dựng PV - Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp - Thương mại - Tài chính mạnh, kinh doanh đa ngành trong nước và quốc tế, trong đó lấy sản xuất điện là trọng tâm hàng đầu, xây dựng thương hiệu PV Power có uy tín trong nước, trong khu vực ASEAN và trên trường quốc tế". Vì vậy, PVPower Services sẽ là đơn vị đảm bảo cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng bảo trì cho các nhà máy điện. Phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong và ngoài Tổng Công ty.

8.3 Định hướng phát triển của Công ty

Kế hoạch định hướng 2010-2015, PV Power Services phấn đấu đạt doanh thu và lợi nhuận như sau:

- Doanh thu về giám sát vận hành, bảo trì bảo dưỡng, đào tạo vận hành, vận hành thuê các nhà máy điện BOO, IPP, BOT trong giai đoạn 2010 ~ 2015 đạt 60 ~ 100 triệu USD/năm.
- Doanh thu này sẽ tăng theo quy mô tăng trưởng về công suất phát điện của PV - Power trong những năm tiếp theo.

Để đạt được kế hoạch dài hạn trên, PV Power Services đưa ra định hướng phát triển trong những năm tới như sau:



Phát triển ngành dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất điện và công nghiệp dựa trên cơ sở các nhà máy điện của Tổng công ty, Tập đoàn, các nhà máy của Tổng công ty điện lực Việt Nam... đồng thời tích cực mở rộng hợp tác xuất khẩu dịch vụ ra nước ngoài, đặc biệt là các nước trong khu vực.

Tối đa sự hỗ trợ từ Tổng Công ty về vốn, thương hiệu, ...phát triển PV Power Services bền vững, hiệu quả, an toàn, mang tính đa ngành và liên ngành, linh hoạt và năng động, phù hợp với sự phát triển của thực tế nhưng phải táo bạo, chủ động tìm kiếm các giải pháp công nghệ cao, có tính đón đầu, áp dụng mạnh mẽ và hiệu quả quá trình chuyển giao công nghệ cao và đặc thù để rút ngắn thời gian thực hiện công việc.

Cơ cấu phát triển lấy dịch vụ phục vụ cho sản xuất điện làm chủ đạo, đồng thời chú trọng phát triển dịch vụ sang các ngành công nghiệp khác và phát triển sản xuất phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất điện và phục vụ các ngành công nghiệp khác.

Phát triển theo hướng phát huy nội lực đồng thời tranh thủ tận dụng các nguồn lực bên ngoài để phát triển trên thị trường trong nước cũng như nhanh chóng hòa nhập thị trường khu vực và thế giới.

Coi trọng con người là yếu tố then chốt, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên trình độ cao, tác phong công nghiệp, kỷ luật nghiêm ngặt.

Phát triển đi đôi với bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng.

8.4 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành

Với vị thế và triển vọng phát triển của thị trường cung cấp dịch vụ bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện, định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cũng như sự phát triển của ngành, chủ trương nội địa hóa của Chính phủ

Mục tiêu đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tình hình thị trường chứng khoán hiện nay tuy có những biến động phức tạp, nhưng đây sẽ là những tiền đề để thị trường sẽ ngày càng phát triển theo chiều hướng bền vững, tạo điều kiện, cơ sở thuận lợi cho công ty thực hiện quảng bá tên tuổi và hình ảnh trên cả thị trường chứng khoán và bảo trì bảo dưỡng các nhà máy, xí nghiệp sản xuất. Do đó sẽ thúc đẩy việc tìm kiếm thêm các hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy điện tại các Tập đoàn, các Tổng công ty lớn khác của Việt Nam

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Cơ cấu lao động trong Công ty

Tổng số lao động Công ty đến thời điểm 30/09/2010 như sau:

Bảng 20: Cơ cấu lao động tính đến ngày 30/09/2010

(Đơn vị: người)

Chỉ tiêu	Số lượng
Phân theo trình độ học vấn	215
1. Trên Đại học và Đại học	112

2. Cao đẳng	14
3. Trung cấp	81
4. Lao động phổ thông	8
<i>Phân theo phân công lao động</i>	<i>215</i>
1. HĐQT – Ban lãnh đạo Cty	6
2. Lao động quản lý	32
3. Lao động chuyên môn nghiệp vụ	177
<i>Phân theo HĐLĐ</i>	<i>215</i>
• HĐ Không xác định thời hạn	112
• HĐ xác định thời hạn từ 1-3 năm	97
• HĐ thời vụ	6
<i>Phân theo độ tuổi</i>	<i>215</i>
• Dưới 30 tuổi	93
• Từ 30-45 tuổi	109
• Từ 45-55 tuổi	2
• Trên 55 tuổi	1

(Nguồn: PV Power Services cung cấp)

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, các hoạt động xã hội

9.2.1 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Công ty có quy trình tuyển dụng rõ ràng để lựa chọn những chuyên viên giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề, gắn bó làm việc với Công ty.

PV POWER SERVICES tạo mọi điều kiện giúp mỗi cá nhân phát triển nghề nghiệp đồng thời xây dựng một lực lượng đội ngũ kỹ sư lành nghề cho mình. Hàng năm PV POWER SERVICES đều cử kỹ sư đào tạo tại chính các nhà sản xuất thiết bị của nhà máy điện. Các chương trình đào tạo của PV POWER SERVICES giúp chuyên viên có kỹ năng chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu công việc thực tế cũng như phát triển nghề nghiệp của bản thân

9.2.2 Chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện đúng qui chế về trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

- Từ khi công ty đi vào hoạt động cho đến nay, Công ty đã tiến hành xây dựng Qui chế lương và đã thực hiện theo đúng quy chế đã ban hành. Sau khi ban hành quy chế trả lương thưởng cho cán bộ công nhân viên và thành lập hội đồng lương PV Power Services, hội đồng



lương đã tiến hành rà soát và sắp xếp lại toàn bộ hệ thống lương của tất cả Cán bộ công nhân viên theo đúng hệ thống thang bảng lương đã đăng ký với Sở lao động Thành phố Hà Nội và ra quyết định cụ thể cho từng người.

- Việc giao và thực hiện kế hoạch theo cơ chế khoán và phân phối tiền lương tại Công ty và các đơn vị, bộ phận trực thuộc: Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo đúng định mức lao động, quỹ lương mà HĐQT Công ty giao cho sau khi có ý kiến của Tổng công ty.

Tình hình thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động: Khen thưởng, phúc lợi, ăn ca, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Được chi trả đầy đủ, đúng quy định của pháp luật Nhà nước và các quy định của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam cũng như của Công ty. Chính sách tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc thực tế, quy định của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các quy định của pháp luật.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: tiền lương hàng tháng được xác định trên cơ sở sản lượng, chất lượng sản phẩm thực hiện gắn với việc xếp loại thi đua, sự chấp hành nội quy, kỷ luật lao động và năng suất thực hiện;

Đối với cán bộ gián tiếp các phòng ban: được khoán quỹ lương theo tỷ lệ kế hoạch doanh thu, giá trị sản lượng sản xuất trên cơ sở biên chế đảm bảo hoàn thành khối lượng công việc được giao.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên thực hiện cho khách hàng. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Khen thưởng định kỳ theo quý, năm hoặc theo phong trào phát động;
- Ngoài ra nhân viên còn được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

10. Chính sách cổ tức

Là một đơn vị mới thành lập với chức năng hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật tại các nhà máy điện trong và ngoài ngành Dầu khí. Vì vậy, điểm nổi bật của PV Power Services là tính ổn định trong quá trình sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu được xác định trước trong nhiều năm (tối thiểu là 7 năm). Đây là một lợi thế trong việc hoạch định chiến lược SXKD, chính sách cổ tức cũng như xây dựng lòng tin cho các cổ đông của Công ty.

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức



do Hội đồng Quản trị xây dựng, đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định trên nguyên tắc sau:

- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty cho các cổ đông theo tỷ lệ phần vốn góp.

- Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 29/01/2010, theo đó tỷ lệ trả cổ tức của PV POWER SERVICES qua các năm như sau:

Bảng 21: Chi trả cổ tức năm 2008, 2009 và kế hoạch năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Kế hoạch 2010
1	Tỷ lệ trả cổ tức	0,69%	8,8%	8,16%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 29/01/2010, và Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 12/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 08/02/2010)

Chú thích:

Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 22/4/2009 đã nhất trí cổ tức của năm 2008 sẽ chuyển sang chia cho cổ đông năm 2009

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông PV POWER SERVICES thường niên 2010, qua đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2009 cho thấy thực tế thực hiện tăng hơn 10% so với kế hoạch (theo chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế). Vì vậy, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 29/01/2010, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức 2008 và 2009, trong đó:

- Mức trả cổ tức 2008 là 0.69% cổ phần tương đương 69 đ/cổ phần
- Mức trả cổ tức 2008 là 8.8% cổ phần tương đương 885 đ/cổ phần

Ngày 8/2/2010 Hội đồng quản trị PV POWER SERVICES ra quyết định số 12/QĐ/HĐQT-DVKT quyết định mức chi trả cổ tức năm 2008 và 2009 theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ngày 8/3/2010, PV POWER SERVICES phát hành văn bản số 104/TCKT-DVKT thông báo tới các cổ đông về việc chi trả cổ tức 2008 và 2009, thời gian bắt đầu chi trả là 1/4/2010.

Kể từ ngày 1/4/2010, PV POWER SERVICES đã thực hiện chi trả cổ tức như sau:

- Tổng mức cổ tức phải trả : 10,74 triệu đồng trong đó:
 Cổ tức năm 2008: 676 triệu đồng (ngày chốt danh sách trả cổ tức 31/12/2008)
 Cổ tức của năm 2009: 10.064 triệu đồng (ngày chốt danh sách trả cổ tức 31/12/2009)





Phương pháp tính: tính theo ngày thực tế góp vốn của cổ đông

- Đã thực hiện chi trả đến 30/09/2010: 8.192 triệu đồng
- Số còn phải trả: 2.549 triệu đồng

Số tiền 2.549.001.903 đồng được xác định là cổ tức 2008 – 2009 của Cổ đông sáng lập YTL, Power Services Sdn.Bhd (Malaysia). Lý do PV POWER SERVICES chưa thực hiện được việc chi trả cổ tức vì cổ đông này chưa thực hiện mở tài khoản giao dịch tại một Ngân hàng ở Việt Nam cũng như chưa có văn bản thông báo tới PV POWER SERVICES xác định việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện qua tài khoản giao dịch chính thức của YTL, Power Services Sdn.Bhd.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian trích Khấu hao cụ thể mà Công ty áp dụng cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn:	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý:	3 - 8 năm
Nhà cửa vật kiến trúc:	6 - 25 năm
Máy móc thiết bị:	6 - 10 năm

11.1.2 Thu nhập bình quân:

Bảng 22: Thu nhập bình quân năm 2008, 2009, 9 tháng năm 2010

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009	9 tháng đầu năm 2010
1	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	11.938	25.676	21.989
2	Lao động cuối kỳ	Người	132	194	215
3	Lao động bình quân	Người	91	181	205
4	Tiền lương bình quân	Triệu đồng	10	10,6	11,2
5	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	11	11,3	11,9

(Nguồn: PV Power Services cung cấp)

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

- Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Các khoản phải nộp được Công ty thực hiện theo đúng luật định.
- Trong giai đoạn hiện nay, các khoản nợ lớn và thường xuyên phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của PV Power Services là các khoản phải trả cho Nhà cung cấp (vật tư, thiết bị, dịch vụ...). Do tính chất đặc thù của sản xuất, vật tư thiết bị dùng trong công



tác bảo trì, bảo dưỡng và thay thế có tính chất chuyên dụng và đồng bộ với hệ thống thiết bị của Nhà máy điện, PV Power Services thường xuyên phải đặt hàng trực tiếp của Nhà sản xuất, hạn chế thông qua các hình thức đại lý, bán lẻ. Vì vậy, việc duy trì “chữ tín” trong thanh toán đối với Nhà cung cấp được PV Power Services đặc biệt coi trọng nhằm duy trì mối liên hệ bền vững giữa nguồn cung cấp và khâu sản xuất, tạo nên sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tính đến 30/9/2010, PV Power Services không phát sinh các khoản phạt do chậm thanh toán hoặc các tranh chấp thương mại dẫn đến hủy hoặc chấm dứt hợp đồng với Nhà cung cấp

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định:

- Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản Thuế GTGT, Thuế TNDN và các khoản thuế, phí khác theo các quy định của Nhà nước. Trên cơ sở đơn vị tự kê khai và tự chịu trách nhiệm, PV Power Services thường xuyên đối chiếu kiểm tra số liệu kê khai với cơ quan thuế chủ quản đảm bảo Thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước được thực hiện đầy đủ, đúng hạn, tuân thủ theo luật định..
- Tính đến 30/9/2010, PV Power Services không có các khoản nợ đọng thuế và các khoản nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

11.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích cho từng quỹ được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và phê duyệt thực hiện trích lập các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi:

- + Quỹ dự phòng tài chính: 5% Lợi nhuận để lại
- + Quỹ đầu tư phát triển: 10% Lợi nhuận để lại
- + Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% Lợi nhuận để lại

Năm 2009, Công ty đã tiến hành trích lập các quỹ của năm 2008 theo Điều lệ Công ty chưa sửa đổi chi tiết như sau:

- + Quỹ dự phòng tài chính: 45.837.086 đồng
- + Quỹ đầu tư phát triển: 91.674.172 đồng
- + Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 91.674.172 (Tính đến 31/12/2009 Công ty đã chi hết nên không thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2009)

Năm 2010, Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/NQ/ĐHĐCĐ/DVKT ngày 29/01/2010, thông qua việc trích lập quỹ năm 2009 là 3.358.709.000 đồng. Đến 1/04/2010, Công ty đã tiến hành trích lập các quỹ như sau:

- + Quỹ dự phòng tài chính: 671.741.788 đồng
- + Quỹ đầu tư phát triển: 1.343.483.575 đồng
- + Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.343.483.575 đồng đã chi 840.979.544 đồng nên số dư cuối kỳ 30/09/2010 là 502.504.031 đồng.

11.1.6 Tình hình công nợ

a. Công nợ phải trả





Bảng 23: Các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2008		31/12/2009		30/9/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng/nợ phải trả (%)	Giá trị	Tỷ trọng/nợ phải trả (%)	Giá trị	Tỷ trọng/nợ phải trả (%)
1	Nợ ngắn hạn	121.219		506.720		190.059	
	- Vay và nợ ngắn hạn	-	-	19.789	3,90%	-	-
	- Phải trả người bán	29.752	24,53	442.509	87,31%	11.013	5,79%
	- Người mua trả tiền trước	85.111	70,19%		0,00%	143.668	75,56%
	- Thuế và các khoản phải nộp NN	553	0,46%	34.998	6,91%	21.903	11,52%
	- Phải trả người lao động	2.206	1,82%	2.915	0,58%	2.689	1,41%
	- Chi phí phải trả	146	0,12%	853	0,17%	540	0,28%
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.450	2,84%	5.655	1,12%	1.091	0,57%
	- Phải trả nội bộ					9.154	4,81%
2	Nợ dài hạn	47	0,04%	81	0,02%	81	0,04%
	Tổng nợ phải trả	121.266	100%	506.802		190.139	100%

Nguồn: - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009

- Báo cáo tài chính quý III năm 2010 do Công ty lập

Tại thời điểm 30/9/2010 khoản mục phải trả người bán 11.013 triệu đồng bao gồm:

STT	Đối tượng	Số tiền (tr đồng)
1	Nhà thầu OEM thực hiện Dự án Cà Mau 1&2: 1.057 triệu đồng	1.057
2	Các nhà cung cấp vật tư dự phòng chiến lược, tiêu hao cho Dự án Cà Mau 1&2	5.776
3	Nhà thầu OEM thực hiện Dự án Nhơn Trạch 1	2.228
4	Các nhà cung cấp vật tư tiêu hao cho Dự án Nhơn Trạch 1	1.952
	Tổng	11.013





b. Công nợ phải thu

Bảng 24: Các khoản phải thu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2008		31/12/2009		30/9/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Phải thu khách hàng	1.895	1,87%	458.285	99,47%	145	0,65%
2	Trả trước cho người bán	95.625	94,43%	620	0,13%	21.974	98,49%
3	Các khoản phải thu khác	3.742	3,70%	1.819	0,39%	191	0,86%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-		-		-	
Tổng Phải thu		101.262	100%	460.724	100%	22.311	100%

Nguồn: - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009

11.2 Chênh lệch về số liệu đầu kỳ của Báo cáo tài chính kiểm toán 2009 với số liệu trên Báo cáo tài chính kiểm toán 2008:

Bảng 25: chênh lệch về số liệu giữa BCTC năm 2008 và BCTC năm 2009

TT	Khoản mục	Báo cáo kiểm toán năm 2008	Báo cáo kiểm toán năm 2009	Đơn vị: VND Chênh lệch
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	125.382.276.593	25.382.276.593	-100.000.000.000
	Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	0	-100.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	100.000.000.000	+100.000.000.000
	Đầu tư ngắn hạn	0	100.000.000.000	+100.000.000.000
III	Các khoản phải thu	99.585.541.806	101.262.007.459	+1.676.465.653
	Phải thu của khách hàng	218.190.337	1.894.655.990	+1.676.465.653
IV	Nợ ngắn hạn	119.589.997.503	121.219.171.556	+1.676.465.653
	Người mua trả tiền trước	83.435.160.846	85.111.626.499	+1.676.465.653

Lý do chênh lệch:

Mục (I+II) : Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2009 đã phân loại các khoản tương đương tiền ngày 31/12/2008 thành các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và khoản ủy thác đầu tư vào Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt



Nam (PVFC). Theo quy định hiện hành, khoản tiền gửi 100 tỷ đồng trên là khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty

Mục (III+IV): Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2009 đã phân loại lại khoản người mua trả tiền trước cho đúng nội dung tài khoản trên Bảng cân đối kế toán (năm 2008 đã bị bù trừ với các khoản phải thu khách hàng) số tiền 1.676.465.653 đồng

11.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 26: Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ / Nợ ngắn hạn	Lần	1,88	1,23
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,88	1,16
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,52	0,80
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,06	3,96
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	922,19	64,49
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,53	1,77
4. Khả năng sinh lời			
- LN sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,84%	1,2%
- LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,91%	11,09%
- LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,85%	3,09%

Nguồn: - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán

Bảng 27: Danh sách nhân sự chủ chốt PV Power Services

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Cao Thị Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Phan Đại Thành	Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc
3	Trần Viết Nguyên	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
II	Ban Kiểm soát	
1	Phí Anh Đức	Trưởng BKS



2	Lê Đình Hiệu	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên BKS
III	Ban Tổng giám đốc	
1	Phan Đại Thành	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
4	Mã Ngọc Kỳ	Phó Tổng Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Tô Ngọc Tuyết	Kế toán trưởng

(Nguồn: PV Power Services cung cấp)

12.1. Hội đồng quản trị

12.1.1. Bà Cao Thị Liên – Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh : 26/11/1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 19 Lý Nam Đế - Hoàn Kiếm – Hà nội
- Số CMND : 010178290 do Công an Hà Nội cấp 24/02/2004
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1987 – 3/1998	Công ty Điện lực Hà nội – Tổng công ty Điện lực Việt nam	Chủ nhiệm đề án
3/1998 – 11/2004	Xuất Nhập khẩu – Công ty Điện lực Hà nội	Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại
11/2004 – 12/2005	Công ty Điện lực Hà nội	Phó Giám đốc Trung tâm Viễn thông và CNTT
1/2006 – 8/2007	Công ty Điện lực Hà nội	Trưởng phòng Viễn thông và CNTT

9/2007 – 1/2008	Ban Kinh tế Kế hoạch Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng phòng Kế hoạch – Hợp đồng
1/2008 – 5/2009	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Kế hoạch
5/2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 2.250.000 Đại diện phần vốn của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.1.2. Ông Phan Đại Thành – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh : 1/6/1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 96 A Ngõ 325 Kim Ngưu Hà Nội
- Số CMND : 011608864 do Công an Hà Nội cấp 08/12/2009
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 1996	Công ty thép Việt Úc	Kỹ sư giám sát điện
1997 – 2003	Tổng công ty Cơ khí Xây dựng (COMA)	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
2003 – 2005	Công ty Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật –	Giám đốc



	Tổng công ty Cơ khí Xây dựng	
2005 – 2007	Công ty CP Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 – Tổng công ty Cơ khí Xây dựng	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 5.000 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần đại diện vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.1.3 Ông Trần Viết Nguyên – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh : 29/12/1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 201, Nhà B, 2F Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hòa Kiếm, Tp. Hà Nội.
- Số CMND : 012649035 do Công an Hà Nội cấp 10/3/2003
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002 – 2006	Ban Khoa học – Công nghệ - Môi trường và Viễn thông Tập Đoàn Điện lực Việt Nam.	Chuyên viên
2006 – 2008	Trung tâm Iternet Điện lực - Tập Đoàn	Phó Giám đốc



	Điện lực Việt Nam.	
2008 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.	Phó trưởng Ban Luật và Hợp tác Quốc Tế, Phó trưởng Ban kỹ thuật, Phó Trưởng Ban Kế hoạch, Phó Trưởng Ban Thương mại
2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng Ban Luật và Hợp tác Quốc Tế, Phó trưởng Ban kỹ thuật, Phó Trưởng Ban Kế hoạch, Phó Trưởng Ban Thương mại Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

• Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần

• Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần đại diện vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt nam

• Những người có liên quan : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.1.4 Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh : 20/01/1970

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Cần Thơ

- Địa chỉ thường trú: Khu Nhà công vụ Khí - Điện - Đạm, P1, TP Cà Mau

- Số CMND : 022500040 do Công an TP.HCM cấp 17/8/2003

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị điện, kỹ sư CNTT

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 – 1995	Cty TNHH Hữu Hồng	Kỹ sư sửa chữa lắp đặt máy phát Diesel

1995 – 1997	BQL Dự án các Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa	Kỹ sư
1997 – 1998	Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa	Trưởng ca vận hành
1998 – 2005	Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa	Phó quản đốc
2006 – 2007	BQL Dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau	Phó trưởng phòng Chuẩn bị sản xuất
3/2007 – 8/2007	Cty TNHH một thành viên Điện lực Dầu khí Cà Mau	Phó Tổng giám đốc
8/2008 – 5/2010	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.	Phó Tổng giám đốc Chi nhánh
6/2010 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.	Tổng giám đốc Chi nhánh
2008 đến nay	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Ủy viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng giám đốc chi nhánh Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

• Sở hữu cá nhân : 4.603 Cổ phần

• Sở hữu đại diện : 1.800.000 Cổ phần đại diện vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

• Những người có liên quan : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.1.5 Ông Edwin Harald Burchardt – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh : 17/4/1939

- Quốc tịch : Đức

- Địa chỉ thường trú: 8th Floor, Menara ING, 84 Jalan Raja Chulan, 50200 Kuala Lumpur, Malaysia



- Số CMND/Hộ chiếu : C4K5F632K do Đại sứ quán Đức tại Kuala Lumpur cấp ngày 21/6/2010.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt nguyên tử
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1962 – 1987	Công ty SIEMENS AG và AEG	Nhân viên
1987 – 1990	SIEMENS Power Generation Group KWU.	Giám đốc lắp máy và vận hành
1990 – 1993	Quản lý Dự án chu trình hỗn hợp Killinghome và Rye House tại Vương quốc Anh	Quản lý dự án
1994 đến nay	YTL Power Services Sdn Bhd tại Malaysia, năm 2004, kiêm quản lý dịch vụ bảo trì nhà máy điện than Paiton II công suất 1.220 MW tại Indonesia	Giám đốc Kiêm nhiệm: Tổng giám đốc PT YTL Jawa Timur, Giám đốc cao cấp Ventures Sdn Bhd, Giám đốc Cty TNHH PowerSeraya, Giám đốc đại diện Phòng Thương Mại & Công nghiệp Malaysia – Đức
Thời gian	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kiêm nhiệm: Tổng giám đốc PT YTL Jawa Timur, Giám đốc cao cấp Ventures Sdn Bhd, Giám đốc Cty TNHH PowerSeraya, Giám đốc đại diện Phòng Thương Mại & Công nghiệp Malaysia – Đức

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 2.700.000 Cổ phần đại diện vốn góp vốn góp của YTL Sdn Bhd
 - Những người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không



12.2. Thành viên BKS

12.2.1. Ông Phí Anh Đức – Trưởng ban kiểm soát

- Ngày sinh : 24/2/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 24, Tổ 3, Ngõ 1160, Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 151202254 do Công an Thái Bình cấp 20/4/1994
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 – 2000	Công ty Kiểm toán Hà nội	Kiểm toán viên
2000 – 2007	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thanh tra viên
20/8/2007 – 31/8/2007	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban TCKT
1/9/2007 – 1/1/2008	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban Tổng hợp kiểm trợ lý Chủ tịch Hội đồng thành viên
1/1/2008 – 12/2008	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam kiêm Trợ lý Chủ tịch Hội đồng thành viên	Phó Chánh văn phòng
12/2008 đến nay	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban Tài chính kế toán và kiểm toán
2010 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng ban Tài chính kế toán và kiểm toán
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
- Sở hữu cá nhân : 2.900 Cổ phần



- người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.2.2 Ông Lê Đình Hiệu – Thành viên BKS

- Ngày sinh : 18/3/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 69 Chùa Bộc, Đống Đa - Hà Nội
- Số CMND : 172326853 do Công an Thanh Hóa cấp 25/5/2001
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 – 2005	Nhân viên phân phối Khách sạn Công ty CP Du lịch Hồ Gươm	Nhân viên
2005 – 2006	Điều hành du lịch Công ty CP vận tải và Thương mại Đường Sắt	Nhân viên
2006 – 2007	Nhân viên phòng khách hàng DN Ngân hàng TMCP Á Châu	Nhân viên
13/8/2007 đến nay	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên
2010 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Thành viên BKS

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.2.3 Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan – Thành viên BKS

- Ngày sinh : 02/3/1967





- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 36- Ngõ 61- Tây Sơn- Đống Đa- Hà Nội
- Số CMND : 011129218 do Công an 011129218 cấp 09/8/2008
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 – 2002	Công ty TNHH KAF	Nhân viên kinh doanh
2003 – 2008	Công ty TNHH KAF	Quản lý nhân sự
2009 đến nay	Công ty TNHH KAF	Nhân viên kinh doanh
2009 đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Thành viên BKS

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.3. Ban Tổng giám đốc

12.3.1 Ông Phan Đại Thành – Tổng giám đốc (Xem chi tiết tại mục 12.1.2)

12.3.2 Ông Nguyễn Xuân Bình – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 16/10/1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Nhà 18 ngõ 82 phố Phú Viên, Bồ Đề, Long Biên, Hà nội
- Số CMND : 012332059 do Công an Hà Nội cấp 26/3/2000



- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Điện tử Viễn thông; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2002	Công ty thông tin di động VMS	Chuyên viên đầu tư xây dựng
2002 – 2004	Công ty CP viễn thông Hà nội	Phó phòng hệ thống thông tin, Trưởng phòng hỗ trợ khách hàng
2004 – 2006	Công ty Điện thoại di động Viettel	Nhân viên
3/2006 – 3/2007	Cty Điện thoại di động Viettel	Phụ trách phòng Đầu tư
4/2007 – 11/2007	Cty Điện thoại di động Viettel	Phó trưởng phòng Kế hoạch mạng và đầu tư
11/2007 – 12/2007	Trung tâm điều hành Kỹ thuật	Trưởng Trung tâm kỹ thuật viễn thông Hà Tây
T12/2007 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt nam.	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 9.200 Cổ phần
 - người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.3.3 Ông Nguyễn Minh Tuấn – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 28/10/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 36B, Tổ 2, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội



- Số CMND : 013328983 do Công an Hà nội cấp 27/7/2010
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 1998	Văn phòng đại diện Fujitsu	Nhân viên phòng kỹ thuật
1998 – 2002	Công ty TNHH Việt Á	Trưởng phòng Dự án
2002 – 2007	Ban năng lượng – truyền tải và phân phối điện Văn phòng đại diện SIEMENS AG tại Việt Nam	Phụ trách dự án, phụ trách bán hàng
2007 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư XNK

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.3.4 Ông Mã Ngọc Kỳ – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 12/12/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Trị Thiên
- Địa chỉ thường trú: 5/99/16A, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND : 025337620 do Công an TP. HCM cấp 28/7/2010
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy
- Quá trình công tác:





Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2002	phân xưởng sửa chữa - Điện Phú Mỹ	Kỹ sư
2002 – 2007	Phú Mỹ 3 BOT	Kỹ sư phòng Bảo trì
2008 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

12.4. Kế toán trưởng

12.4.1. Bà Tô Ngọc Tuyết – Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 14/7/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Uông Bí – Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 818 CT5 Đơn nguyên 2, Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND : 012452260 do Công an Hà nội cấp 27/6/2001
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1998 – 4/1999	Công ty KDVT & XL Sông Đà 15, Tổng công ty Sông Đà	Nhân viên TCKT
5/1999 – 6/2001	Xí nghiệp 15-1, Công ty KHVT&XL Sông Đà 15, Tổng công ty Sông Đà	Trưởng ban TCKT
7/2001 – 5/2002	Xí nghiệp Sông Đà 903, Công ty Sông	Nhân viên Ban TCKT

	Đà 9, Tổng công ty Sông Đà	
6/2002 – 7/2003	Xí nghiệp Sông Đà 903, Công ty Sông Đà 9, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
8/2003 – 10/2005	Công ty CP Sông Đà 909, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
11/2005 – 5/2007	Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 909, Tổng công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
6/2007 – 11/2007	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Phó Phòng Tài chính Ban TCKT,
11/2007 – 4/2009	Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng
4/2009 đến nay	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 2.000 Cổ phần
 - người có liên quan : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

13. Tài sản

Bảng 28: Danh mục tài sản của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

S T T	Tài sản	Tại ngày 31/12/2008			Tại ngày 31/12/2009			30/09/2010		
		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	TSCĐ Hữu hình	4.771	433	4.338	6.688	1.323	5.365	10.850	2.628	8.222
1	Máy móc thiết bị	-	-	-	170	4	166	2.086	215	1.871



2	Phương tiện vận tải	3.531	255	3.276	3.531	609	2.922	4.970	960	4.010
3	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.240	178	1.062	2.987	710	2.277	3.794	1.453	2.341
I I	TSCĐ Vô hình	93	25	68	113	63	50	153	94	59
1	Phần mềm máy tính, bản quyền sáng chế	93	25	68	113	63	50	153	94	59
	Tổng cộng	4.863	458	4.405	6.801	1.386	5.415	11.003	2.722	8.281

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 và 9 tháng năm 2010)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2010, 2011, 2012

14.1 Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính chủ yếu năm 2010 và dự kiến cho năm 2011, 2012

Bảng 29: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức giai đoạn 2010 - 2012

Đơn vị: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM 2010	NĂM 2011	% tăng giảm so với năm 2010	NĂM 2012	% tăng giảm so với năm 2011
A	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH					
I	VỐN ĐIỀU LỆ	15.000	15.000	-	15.000	-
II	TỔNG DOANH THU	649.860	995.570	53,20%	1.563.700	57,07%
III	TỔNG CHI PHÍ	626.450	971.870	55,14%	1.538.300	58,28%
1	Chi phí của Nhà thầu OEM	567.840	757.690	33,43%	820.040	8,23%
2	Chi phí trực tiếp của PV Power Services	58.610	181.500	209,67%	683.690	276,69%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.120	32.500	46,93%	34.370	5,75%
4	Chi phí tài chính	100	180	80,00%	200	11,11%



IV	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	23.410	23.700	1,24%	25.400	7,17%
V	Lợi nhuận sau thuế	17.560	17.775	1,22%	19.050	7,17%
VI	Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	2,7%	1,79%	-0,92%	1,22%	0,57%
VII	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	11,7%	11,85%	0,15%	12,70%	0,85%
VII I	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	68.750	136.200	98,11%	203.700	49,56%
IX	Trích các quỹ	4.390	4.443	1,22%	4.762	7,17%
1	Quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế)	880	888	0,99%	952,50	7,17%
2	Quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)	1.760	1.777	0,99%	1.905	7,17%
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế)	1.760	1.777	0,99%	1.905	7,17%
X	Tỷ lệ cổ tức %	8,16%	8,88%	0,72%	9,54%	0,66%
B	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC					
I	Kế hoạch lao động, tiền lương					
1	Lao động bình quân (người)	220	280	27,27%	370	32,14%
2	Thu nhập bình quân người/tháng (triệu đồng)	14,36	14,6	1,67%	16	9,59%
II	Kế hoạch đào tạo	2.421	7.927	227,43%	12.921	63,00%
III	Đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị	53.000	40.500	-23,58%	34.900	-13,83%

(Nguồn: Nghị Quyết số 12/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 08/02/2010, Nghị quyết số 54/NQ/HĐTV-ĐLĐK của PV Power ngày 14/07/2010)





Ghi chú: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 đã được Hội đồng quản trị công ty họp và thống nhất thực hiện tại Nghị quyết số 12/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 08/02/2010. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2011 – 2012 do Công ty tự lập dựa trên Nghị quyết số 54/NQ/HĐTV-ĐLDK của PV Power ngày 14/07/2010.

14.2 Cơ sở xây dựng kế hoạch

- Do đặc thù của công tác bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện được thực hiện cho hết một đời vận hành của thiết bị (trung bình 12 năm). Công ty sẽ căn cứ vào yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị để xác định được thời điểm thực hiện công tác dịch vụ như: bảo trì, sửa chữa thường xuyên – tiêu tu – trung tu – đại tu. Đây sẽ là cơ sở căn bản để PV POWER SERVICES xác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các năm.
- Ngoài ra, Công ty cũng căn cứ trên chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc xây dựng các dự án phục vụ cho ngành Điện lực dầu khí để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.

14.3 Căn cứ đạt các chỉ tiêu trên

14.3.1 Căn cứ đạt được kế hoạch năm 2010

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tính đến 30/09/2010, Công ty đã đạt 461,377 tỷ đồng doanh thu đạt 71% kế hoạch tuy nhiên lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 9,077 tỷ đồng bằng 38,8% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do: Trong 9 tháng đầu năm 2010, doanh thu ghi nhận chủ yếu từ các hoạt động cung cấp thiết bị, dịch vụ do Nhà thầu OEM thực hiện và phần hoạt động này không mang lại lợi nhuận cho PV Power Services. Do đặc thù là phải thuê nhà thầu phụ OEM thực hiện cơ bản khối lượng công việc trong việc bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện, nên mặc dù doanh thu lớn nhưng lợi nhuận đạt được lại chưa cao. Tuy nhiên trong quý 4/2010, PV Power Services sẽ nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, tăng tỷ lệ thực hiện của PV Power Services trong cơ cấu doanh thu của Công ty để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận đặt ra.

Bảng cơ cấu lợi nhuận 9 tháng/2010 và quý 4/2010

(Đơn vị: Triệu đồng)

S T T	Nội dung	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện 9 tháng/2010		Dự tính Quý 4/2010
			Giá trị	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Giá trị
I	Doanh thu từ hoạt động SXKD	649.860	461.377	71%	336.937
1	Doanh thu OEM		437.973		261.285





2	Doanh thu PV Power Services		23.404		75.652
II	Lợi nhuận trước thuế	23.410	9.077	39%	16.423

Như vậy với việc tăng tỷ lệ thực hiện của PV Power Services tại 2 nhà máy điện Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1 từ 2,32% lên 22,54% trong cơ cấu doanh thu của Công ty trong Quý 4/2010, PV Power Services dự kiến sẽ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận cả năm đặt ra là 23.410 triệu đồng.

PV Power Services có cơ sở thực hiện 336.937 triệu đồng doanh thu và 16.423 triệu đồng lợi nhuận trong quý 4/năm 2010 dựa trên việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật tại 02 nhà máy điện sau:

- Nhà máy điện Cà Mau 1&2
- Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

14.3.2 Căn cứ đạt được kế hoạch năm 2011-2012

- Trong năm 2011, PV Power Services bắt đầu triển khai các hoạt động dịch vụ kỹ thuật tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trên cơ sở Hợp đồng kinh tế với Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đang được thiết lập và thương thảo trong quý 4/2010. Tiếp tục mở rộng các hoạt động dịch vụ của PV Power Services tại khu vực Nhơn Trạch – Đồng Nai cho năm 2011 -2012 và các năm tiếp theo. Giá trị ghi nhận được dựa trên giá thương thảo Hợp đồng.
- Ngoài các Dự án phục vụ cho ngành Điện lực Dầu khí, thực hiện chủ trương của Tập Đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, trên cơ sở các Dự án tiếp nhận bàn giao từ EVN do Chính Phủ phân giao, trong 6 tháng cuối năm 2010, PV Power Services đã từng bước triển khai hình thức dịch vụ mới: Đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề cho phục vụ công tác vận hành nhà máy cho Chủ Đầu Tư, đồng thời đào tạo nguồn nhân lực để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu dịch vụ kỹ thuật cho các Dự án đó, cụ thể:
 - Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2
 - Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1
 - Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1
 - Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1
 - Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

14.4 Biện pháp thực hiện

14.4.1 Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì bảo dưỡng sửa chữa chuyên nghiệp

- Xây dựng đội ngũ vận hành, giám sát vận hành đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế để vận hành các nhà máy của PV Power, các nhà máy BOO (Build – Own – Operate), IPP (Independence Power Plants), BOT (Build – Operate – Transfer) và các nhà máy quốc tế khác.



- Hiện nay, hầu hết các nhà máy điện IPP đã có hoặc đang trong giai đoạn lắp đặt đều đã có tổ chức lực lượng vận hành. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm từ các nước trong khu vực, đối với các IPP, BOT, BOO, họ sẵn sàng thuê vận hành, miễn là bảo đảm sự tin cậy và hiệu quả kinh tế. Vì vậy, công ty có nhiệm vụ tìm kiếm, ký kết hợp đồng và tổ chức vận hành thuê cho các nhà máy của PV Power đang chuẩn bị đầu tư (trên cơ sở đồng thuận, hợp tác) và các nhà máy mới IPP, BOT, BOO ngoài Tổng Công ty.
- Nhiệm vụ đào tạo vận hành: Để nhà máy vận hành phù hợp và đúng theo tiêu chuẩn vận hành của nhà chế tạo để ra nhằm tăng tuổi thọ của nhà máy, đồng thời tránh xảy ra sự cố trong vận hành, cần phải có một đội ngũ cán bộ công nhân, kỹ sư có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, được đào tạo tốt về vận hành nhà máy (thực tế ở Việt Nam, cho tới nay chưa có một trung tâm đào tạo vận hành nhà máy điện). Công ty dự kiến thành lập một trung tâm đào tạo, trang bị một phòng mô hình (Simulator) hiện đại về nhà máy điện, và các thiết bị, dụng cụ cần thiết cho đào tạo...
- Xây dựng bộ máy vận hành của các nhà máy mới trên cơ sở lực lượng nhân sự sẵn có, trình độ đồng đều, chủ động đào tạo nhằm tiết kiệm chi phí và có khả năng xuất khẩu lao động ra các nước láng giềng. Nhiệm vụ Bảo dưỡng, Sửa chữa thực hiện toàn bộ các loại hình sửa chữa trong nhà máy điện, bao gồm các công việc sau:
 - Bảo dưỡng, sửa chữa tiêu tu, trung tu, đại tu cho các nhà máy điện khí chu trình hỗn hợp trước mắt là cụm Cà mau, Nhơn Trạch của PV Power sau đó phát triển ra cả nước và nước ngoài.
 - Thực hiện công tác C&I và điều khiển tự động (phần cứng & phần mềm) các loại thiết bị hệ thống trong nhà máy điện khí chu trình hỗn hợp. Hình thành trung tâm theo dõi sửa chữa và theo dõi vận hành online đầu tiên tại Việt nam phục vụ các nhà máy điện thuộc PV Power, tiến đến làm dịch vụ cho các ngành công nghiệp khác.
 - Hiệu chỉnh thiết bị cho nhà máy điện và các ngành công nghiệp khác, hiệu chỉnh thiết bị cơ nhiệt điện, cân bằng động
 - Dịch vụ giám sát trạng thái thiết bị với hệ thống gián đo nhiệt, rung,... phân tích khí, dầu,... cho ngành điện và các ngành công nghiệp.

14.4.2 Sản xuất và kinh doanh phụ tùng thay thế

Phục hồi gia công chế tạo mới các thiết bị như: valve cao áp, hạ áp, quạt gió, bom,...

Phun phủ phục hồi cánh tuabin, các phụ tùng chi tiết máy,...

Chế tạo gia công cơ khí các chi tiết máy phục vụ sửa chữa và thay mới tại nhà máy điện và các ngành công nghiệp khác.

Phục hồi quán lại các loại động cơ, máy phát điện, biến áp,...

14.4.3 Nhập khẩu, tồn trữ kho vật tư thiết bị chuyên ngành điện cho PV Power và các đơn vị khác trong ngành điện

Ngày nay, việc thành lập kho vật tư chiến lược là thật sự rất cần thiết đối với mỗi nhà máy điện bởi rất nhiều lý do. Thứ nhất, đó là khi nhà máy đi vào giai đoạn chuẩn bị sửa chữa lớn thì mỗi nhà máy đều phải tự lập kế hoạch nhập khẩu vật tư phụ tùng phục vụ



cho công tác sửa chữa cũng như việc lập hồ sơ mời thầu và chào thầu theo quy định của pháp luật..., thường thì đây là những công việc mất rất nhiều thời gian và làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ sửa chữa các nhà máy. Thứ hai, đó là trong quá trình vận hành có thể xảy ra một số sự cố bất thường khó kiểm soát, để đảm bảo an toàn cho quy trình sản xuất thì cần phải có nguồn vật tư dự phòng chiến lược cho các thiết bị có tầm quan trọng trong vận hành hệ thống. Mặc dù tầm quan trọng của kho vật tư chiến lược đã nhìn thấy một cách rõ ràng, tuy nhiên trên thực tế ngay cả các nhà máy của tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một kho vật tư dự phòng chiến lược.

Chính vì vậy mà định hướng của PV Power Services về việc hình thành kho vật tư được định hướng ngay từ ban đầu khi xây dựng cơ sở dữ liệu về vật tư. Số hoá cơ sở dữ liệu bằng các phần mềm chuyên dùng tạo điều kiện cho việc duy tu sửa chữa lâu dài, cùng với việc chế tạo thay thế bớt phụ thuộc vào các nhà cung cấp. Tối ưu hoá tồn kho, thời gian đặt hàng, sử dụng tài chính và đưa ra các giải pháp tối ưu nguồn vật tư theo điều kiện Việt nam dựa vào việc hình thành các hệ thống báo cáo về lịch sử, quy trình, hiệu suất,.. của từng chi tiết vật tư.

Kết nối chung với hệ thống Quản lý bảo dưỡng sửa chữa đảm bảo tính chính xác cho việc xây dựng chiến lược tồn kho vật tư.

14.4.4 Lên phương án tối ưu hoá hiệu suất phát điện của các nhà máy điện của PV Power và của Khách hàng

Căn cứ vào lịch sử vận hành, sơ đồ tải, tình hình thực tế vận hành nhà máy để thiết lập các phần mềm chức năng hợp lý hoá quy trình vận hành, hiệu suất nhà máy, nâng cao lợi nhuận. Tiến đến là Công ty đầu tiên tại Việt nam có khả năng triển khai dịch vụ này dựa trên các nền tảng quản lý hiện đại, phân tích số liệu,... để đưa ra các giải pháp chuẩn.

14.4.5 Đầu tư trung tâm kiểm định, hiệu chỉnh thiết bị đo lường đạt chuẩn quốc tế được cấp phép kiểm định dán tem thiết bị đo lường

Làm dịch vụ kiểm định và hiệu chỉnh thiết bị đo trong ngành điện, ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác.

Việc tiến hành kiểm định, hiệu chỉnh được thực hiện khi xây dựng nhà máy và trong quá trình hoạt động của các nhà máy.

Kết hợp với các Nhà thầu EPC để làm công tác thí nghiệm hiệu chỉnh chạy thử cho các Nhà máy điện và các Nhà máy công nghiệp khác.

14.4.6 Liên danh liên kết với các công ty nước ngoài thực hiện các dịch vụ sửa chữa cung cấp vật tư và huấn luyện đào tạo

Công ty có nhiệm vụ liên doanh với các hãng, các công ty nước ngoài thực hiện các dịch vụ sửa chữa, hợp đồng bảo trì, sửa chữa...

Thực hiện hợp đồng thuê mướn các chuyên gia trong các lĩnh vực mà PV Power Services chưa đủ khả năng như: chuyên gia nghiệm thu, đánh giá..

Các khả năng liên doanh:

(+) Liên doanh với nhà chế tạo để sản xuất phụ tùng, vật tư.

(+) Liên doanh với một/một vài Trung tâm sửa chữa của một công ty điện lực nước ngoài có kinh nghiệm trong sửa chữa.

(+) Liên doanh các trung tâm kiểm định, các nhà cung cấp vật tư cho các nhà máy công nghiệp nặng để thực hiện các dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa.

14.4.7 Dịch vụ tin học phục vụ vận hành sửa chữa

Phát triển các phần mềm nhúng phục vụ tối ưu hóa, vận hành, sửa chữa,...

Số hóa các dữ liệu kỹ thuật liên quan đến phụ tùng, chi tiết máy phục vụ chiến lược áp dụng nền tảng quản lý sửa chữa chung.

Hình thành trung tâm theo dõi vận hành nhà máy online và nền tảng quản lý bảo dưỡng sửa chữa chung.

Xây dựng các ứng dụng tích hợp công nghệ thông tin và viễn thông cho các doanh nghiệp.

Xây dựng mạng diện rộng kết nối Tổng công ty với các đơn vị thành viên và các công trình trọng điểm.

Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu làm cơ sở dữ liệu dùng chung và dự phòng an toàn cho Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

14.4.8 Phát triển kinh doanh lĩnh vực Viễn thông.

Cung cấp vật tư thiết bị, dịch vụ lắp đặt tích hợp, đo kiểm và tối ưu hóa cho các nhà khai thác viễn thông như: mạng HT Mobile, Viettel, Mobile phone, G-tel...

Xây dựng hệ thống viễn thông hiện đại cho các công trình của công ty, các dự án của Tổng công ty.

Xin giấy phép và thiết lập mạng viễn thông cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trong tập đoàn khi có đủ điều kiện.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động, những dự báo do Công ty cung cấp. Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như sự phát triển của ngành bất động sản Việt Nam, chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu cho các ngành nghề kinh doanh của PV Power Services hiện nay vẫn được duy trì. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có thể phát triển trong những năm tới, Công ty vẫn đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông như kế hoạch đề ra.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng tỷ lệ trả

cổ tức mà PV Power Services đưa ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, trên cơ sở những thông tin do Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cung cấp, và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 15.000.000 (mười năm triệu) cổ phần

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

Hạn chế chuyển nhượng đối với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 31: Số lượng Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của Cổ đông nội bộ

Đơn vị: cổ phần

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Số CP hạn chế 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Số CP hạn chế 6 tháng tiếp theo
1	Phan Đại Thành	Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc	5.000	5.000	2.500
2	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	4.603	4.603	2.302
3	Nguyễn Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	9.200	9.200	4.600
4	Phí Anh Đức	Trưởng BKS	2.900	2.900	1.450
5	Tô Ngọc Tuyết	Kế toán trưởng	2.000	2.000	1.000
6	YTL Power Services	Cử người đại diện phân vốn vào thành viên HĐQT PV Power Services	2.700.000	2.700.000	1.350.000



7	PV-Power	Cử người đại diện phần vốn vào thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát PV Power Services	7.650.000	7.650.000	3.825.000
	Tổng Cộng		10.373.703	10.373.703	5.186.852

(Nguồn: PV Power Services cung cấp)

Căn cứ điểm đ, Khoản 1, Điều 8, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/1/2007 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Điều lệ tổ chức hoạt động sửa đổi của Công ty thông qua tháng 4/2009 thì Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ..

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại ngày 31/12/2009:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu} &= \frac{\text{(Nguồn vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng, phúc lợi)}}{\text{(Tổng số cổ phần – cổ phiếu quỹ)}} \\ &= \frac{128.084.807.472 - 0}{11.382.563} = 11.253 \text{ đồng/CP} \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại ngày 30/09/2010:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu} &= \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{(Tổng số cổ phần – cổ phiếu quỹ)}} \\ &= \frac{161.522.072.902}{15.000.000} = 11.768 \text{ đồng/CP} \end{aligned}$$

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài

Khi cổ phiếu của PV Power Services được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện tại số cổ phần do cổ đông người nước ngoài nắm giữ tại Công ty là 2.700.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 18% vốn điều lệ của Công ty.



7. Các loại thuế có liên quan

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế kể từ năm 2009. Tuy nhiên theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính. Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV năm 2008 và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009. Do vậy trong Quý IV năm 2008 và 2009, PV Power Services được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3.934.3888 Fax: (84-4) 3.934.3999

Website: www.psi.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 7, Số 1-5 Lê Duẩn - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3 911 1818 Fax: (84-8) 3 911 1919

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: 54 – 56 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.389 9338 Fax: 0511.389 9339

Chi nhánh Vũng Tàu:

Số 08 Hoàng Diệu, Phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: 064.625 4522 Fax: 064.625 4521

2. Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Địa chỉ: Phòng 2003- Nhà 34T Trung Hòa – Cầu Giấy- Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2221 0304 Fax: (84-4) 2221 0305

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết.
3. Phụ lục III: Quy chế quản trị Công ty.
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008, 2009
5. Phụ lục V: Báo cáo kiểm toán vốn 2010, BCTC quý III năm 2010
6. Phụ lục VI: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
7. Phụ lục IX: Các tài liệu khác liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CAO THỊ LIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

PHAN ĐẠI THÀNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TÔ NGỌC TUYẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM QUANG HUY